

Số: /2023/NQ-HĐND

Khánh Hòa, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO 3

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định một số nội dung, định mức xây dựng dự toán, mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA
KHÓA, KỲ HỌP THỨ...**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BKHHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND ngày tháng năm 2023 của Ban Văn hóa – Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số nội dung, định mức xây dựng dự toán, mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 2. Tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa khóa , kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2023 và có hiệu lực từ ngày tháng năm 2023./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- Vụ pháp chế - Bộ KH&CN;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVBQPPL);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, VP UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp; các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- Báo Khánh Hòa, Đài PTTH Khánh Hòa;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Công báo tỉnh (02 bản);
- Lưu: VT, TN.

CHỦ TỊCH

QUY ĐỊNH

Một số nội dung, định mức xây dựng dự toán, mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2023/NQ-HĐND
ngày tháng năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định một số nội dung, định mức xây dựng dự toán, mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

2. Các nội dung chi từ nguồn kinh phí đối ứng của tỉnh Khánh Hòa để triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Quốc gia, cấp Bộ được thực hiện theo mức chi tương ứng tại Quy định này.

3. Các nguồn vốn khác ngoài ngân sách nhà nước huy động để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo các định mức chi quy định hiện hành đối với các nguồn vốn đó; khuyến khích các đơn vị thực hiện theo quy định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ, các cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng định mức lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Các định mức xây dựng dự toán kinh phí ngân sách nhà nước theo Quy định này là định mức tối đa, áp dụng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

2. Các nội dung khác liên quan đến định mức xây dựng dự toán, mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành khác có liên quan.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Các yếu tố đầu vào cấu thành dự toán ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Các yếu tố đầu vào cấu thành dự toán ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định tại Điều 3, Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (sau đây gọi tắt là Thông tư số 03/2023/TT-BTC).

2. Chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ: Thực hiện theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 02/2023/TT-BKHHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước (sau đây gọi tắt là Thông tư số 02/2023/TT-BKHHCN).

Điều 5. Định mức làm căn cứ xây dựng dự toán nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước

1. Dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Tiền thù lao cho các chức danh hoặc nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tính theo số tháng quy đổi tham gia thực hiện nhiệm vụ. Trong đó, định mức chi thù lao được quy định cụ thể như sau:

- Chủ nhiệm nhiệm vụ tối đa 32 triệu đồng/người/tháng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh; tối đa 16 triệu đồng/người/tháng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở;

- Đối với các chức danh hoặc nhóm chức danh khác, mức chi thù lao tối đa không quá 0,8 lần mức chi của chủ nhiệm nhiệm vụ.

Dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định tại Điều 4, Điều 5 Thông tư số 02/2023/TT-BKHHCN, trong đó định mức thù lao thực hiện nhiệm vụ theo tháng của chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ (DMCN) tính theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này.

Trường hợp thời gian tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không đủ một tháng, dự toán chi thù lao được tính theo mức thù lao của số ngày tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ của chức danh hoặc nhóm chức danh tương ứng. Mức thù lao ngày được tính trên cơ sở mức thù lao của một tháng chia 22 ngày.

b) Tiền công lao động phổ thông

Dự toán chi tiền công thuê lao động phổ thông hỗ trợ các công việc trong nội dung nghiên cứu (nếu có) được tính theo mức tiền lương tối thiểu vùng cao

nhất tính theo ngày do Nhà nước quy định tại thời điểm xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (mức tiền công thuê theo ngày tính theo mức lương tháng chia cho 22 ngày).

2. Định mức thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước phối hợp nghiên cứu

Dự toán thuê chuyên gia trong nước, chuyên gia ngoài nước phối hợp nghiên cứu: thực hiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN và khoản 2 Điều 4 Thông tư số 03/2023/TT-BTC.

3. Dự toán chi mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu; chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định.

Dự toán chi mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu; chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định thực hiện nhiệm vụ thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư 03/2023/TT-BTC.

4. Dự toán chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước, hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ hoạt động nghiên cứu

Nội dung và định mức chi hội thảo phục vụ hoạt động nghiên cứu được xây dựng và thực hiện theo các quy định tại Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc Quy định chế độ tiếp khách nước ngoài, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại tỉnh Khánh Hòa và chế độ chi tiếp khách trong nước của các địa phương, cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh Khánh Hòa; Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa; Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức Nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí.

Ngoài ra, mức chi thù lao tham gia hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học được quy định như sau.

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh	Mức chi nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở
1	Người chủ trì	người/buổi hội thảo	1.600	800
2	Thư ký hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	người/buổi hội thảo	400	200
3	Báo cáo viên trình bày tại hội	Báo cáo/hội	2.400	1.200

	thảo, diễn đàn, tọa đàm khoa học	thảo		
4	Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đề nghị viết báo cáo nhưng không trình bày tại hội thảo, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Báo cáo/hội thảo	1.200	600
5	Thành viên tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	người/buổi hội thảo	240	120

5. Dự toán chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu

Dự toán chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia và Thông tư số 37/2022/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 3 và Mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính.

6. Dự toán chi họp Hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có) được xây dựng trên cơ sở số lượng thành viên tham gia đánh giá với mức chi không quá 50% mức chi cho hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Quy định này.

7. Dự toán chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước được dự toán các nội dung chi quản lý chung phục vụ nhiệm vụ khoa học và công nghệ để đảm bảo triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại tổ chức chủ trì. Dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng không quá 200.000.000 đồng/nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và không quá 20.000.000 đồng/nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

8. Các khoản chi khác liên quan đến triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có) thực hiện dự toán theo thuyết minh hoặc theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có), thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt.

Điều 6. Một số định mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khoa học công nghệ

a) Chi tiền thù lao

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở
1	Chi tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ			
a.	Chi họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Hội đồng		
	Chủ tịch hội đồng		1.200	600
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		800	400
	Thư ký khoa học		240	150
	Thư ký hành chính		240	150
	Đại biểu được mời tham dự		160	80
b.	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		400	200
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		560	280
c.	Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện	Nhiệm vụ		
	Chủ tịch hội đồng		560	280
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		400	200
2	Chi về tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ; chi xét duyệt đề cương nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở			
a.	Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Hội đồng		
	Chủ tịch Hội đồng		1.440	720
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên Hội đồng		1.200	600
	Thư ký khoa học		240	150
	Thư ký hành chính		240	150

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở
	Đại biểu được mời tham dự		160	80
b.	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		560	280
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		800	400
3	Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ			
a.	Chi họp Hội đồng nghiệm thu	Nhiệm vụ		
	Chủ tịch hội đồng		1.440	720
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		1.200	600
	Thư ký khoa học		240	150
	Thư ký hành chính		240	150
	Đại biểu được mời tham dự		160	80
b.	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		560	280
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		800	400
4	Chi thù lao chuyên gia xử lý các vấn đề kỹ thuật hỗ trợ cho hoạt động của Hội đồng; kiểm tra thực tế cơ sở vật chất, kỹ thuật, nhân lực và năng lực tài chính của tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì và tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; kiểm tra, thẩm định các thông số kỹ thuật và tài liệu công nghệ sản phẩm nhiệm vụ khoa học và công nghệ	1 chuyên gia	1.200	600

b) Dự toán chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khác được quy định tại Thông tư quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Khoa học và Công nghệ.

nghệ: (i) Hội đồng đánh giá và công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học của tỉnh Khánh Hòa; (ii) Hội đồng thẩm định, thẩm tra cấp quyền sử dụng nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý do UBND tỉnh làm chủ sở hữu; (iii) Hội đồng tư vấn khoa học công nghệ thẩm định công nghệ dự án đầu tư; (iv) Hội đồng tư vấn khoa học công nghệ thẩm định chính sách phát triển kinh tế xã hội của địa phương; (v) Hội đồng tư vấn đánh giá doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; (vi) Hội đồng tư vấn tuyển chọn dự án ương tạo doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; (vii) Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ thẩm định, đánh giá kết quả khoa học và công nghệ chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ; (viii) Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ (bao gồm: Đánh giá tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ; đánh giá xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ương tạo công nghệ, ương tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ; đánh giá dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyên gia công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ; đánh giá thẩm định giao công nghệ khuyến khích chuyển giao; đánh giá kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu; đánh giá công nghệ được tổ chức, cá nhân trong nước tạo ra từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để sản xuất sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực; đánh giá kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu); (ix) Hội đồng sơ tuyển giải thưởng chất lượng quốc gia; (x) Hội đồng xem xét dự án xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương... được áp dụng bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

c) Ngoài mức chi tiền công tham gia các hội đồng tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này, các chuyên gia được mời tham gia công tác tư vấn, tổ chuyên gia, thẩm định tài chính còn được thanh toán tiền phương tiện đi lại gồm: Thuê phương tiện chiều đi và về từ nhà đến sân bay, ga tàu, bến xe; vé máy bay, vé tàu, xe vận tải công cộng từ nơi ở để di chuyển đến nơi tổ chức hội đồng và theo chiều ngược lại; phương tiện đi lại tại nơi đến họp: Từ chỗ nghỉ đến chỗ họp; từ sân bay, ga tàu, bến xe về nơi nghỉ (lượt đi và lượt về); thuê phòng nghỉ và phụ cấp lưu trú theo quy định tại Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

2. Chi hoạt động của Tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

1	Tổ trưởng tổ thẩm định	Nhiệm vụ	800	400
2	Thành viên tổ thẩm định	Nhiệm vụ	560	280
3	Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	250	150
4	Đại biểu được mời tham dự	Nhiệm vụ	160	80

3. Định mức xây dựng dự toán chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập

Các trường hợp cần thiết phải thuê chuyên gia tư vấn độc lập thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư số 02/2023/TT-BKHHCN. Tổng mức dự toán chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập được tính tối đa bằng 5 lần mức chi thù lao (gồm tiền hợp Hội đồng của Chủ tịch Hội đồng và chi nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng) của Hội đồng tương ứng và do cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ quyết định và chịu trách nhiệm.

4. Dự toán chi công tác kiểm tra, đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; kiểm tra đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ:

a) Dự toán chi công tác phí cho đoàn kiểm tra đánh giá được xây dựng theo quy định tại Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

b) Dự toán chi tiền công cho Hội đồng đánh giá nhiệm vụ khoa học và công nghệ (trong trường hợp cần thiết có Hội đồng đánh giá) được áp dụng tối đa bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

5. Chi hội nghị, hội thảo khoa học phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ, chương trình khoa học công nghệ (nếu có) thực hiện theo quy định đối với dự toán chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu quy định tại khoản 4 Điều 5 Quy định này.

6. Các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ, cụ thể như sau:

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định mức chi
1	Chi cho đại biểu tham dự họp mở hồ sơ nhiệm vụ khoa học và công nghệ đăng ký tham gia tuyển chọn	Người/buổi	160.000
2	Chi cho thành viên tham gia đoàn kiểm tra nội dung, tiến độ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở	Người/cuộc kiểm tra	160.000

Đơn vị tính: đồng

3	Chi hậu cần phục vụ họp Hội đồng	Người/ cuộc	50.000 (tối đa 02 người/cuộc)
4	Chi tiền nước uống cho các thành viên tham dự các cuộc họp Hội đồng khoa học và công nghệ	Người/ buổi	15.000
5	Chi trang trí cuộc họp	Buổi	Theo hóa đơn thực tế

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn chi sự nghiệp khoa học và công nghệ thuộc ngân sách tỉnh.
2. Kinh phí của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia đối ứng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.
3. Kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác.

Điều 8. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục áp dụng theo các quy định tại thời điểm phê duyệt nhiệm vụ cho đến khi kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ.
2. Trong quá trình thực hiện nếu các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản mới ban hành./.



Số: 534 /TB-UBND

Khánh Hòa, ngày 22 tháng 11 năm 2023

THÔNG BÁO

Kết luận của UBND tỉnh tại cuộc họp thông qua một số nội dung trình HĐND tỉnh tại Kỳ họp thứ 12

Ngày 22/11/2023, Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Tấn Tuấn đã chủ trì cuộc họp UBND tỉnh thông qua một số nội dung trình HĐND tỉnh tại Kỳ họp thứ 12. Tham dự họp có 21/23 thành viên UBND tỉnh; vắng 02 thành viên (do đi công tác): Chánh Thanh tra tỉnh, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông (có cử cấp phó dự thay); Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, lãnh đạo Sở Xây dựng, Sở Thông tin và Truyền thông.

Cuộc họp đã thông qua từng nội dung cụ thể như sau:

1. Báo cáo quyết toán thu ngân sách nhà nước, quyết toán chi ngân sách địa phương năm 2022; tình hình thực hiện nhiệm vụ ngân sách năm 2023, dự toán ngân sách nhà nước năm 2024; kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm 2024 - 2026 và các hồ sơ nghị quyết liên quan (Phê chuẩn báo cáo quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, quyết toán chi ngân sách địa phương năm 2022; Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương năm 2024; Phân bổ ngân sách địa phương năm 2024).

Sau khi nghe Sở Tài chính báo cáo (tại Công văn số 5383/STC-QLNS ngày 20/11/2023) và nghe các thành viên UBND tỉnh tham gia ý kiến, Chủ tịch UBND tỉnh kết luận như sau:

Thông nhất với nội dung báo cáo và đề xuất của Sở Tài chính. Giao Văn phòng UBND tỉnh phối hợp với Sở Tài chính rà soát, hoàn chỉnh các dự thảo Báo cáo, dự thảo Tờ trình, dự thảo Nghị quyết; trình ký, chuyển hồ sơ phục vụ thẩm tra của HĐND tỉnh đúng thành phần, đúng số lượng theo yêu cầu của Thường trực HĐND tỉnh.

2. Hồ sơ Nghị quyết sửa đổi một số điều của Nghị quyết số 29/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh về tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh với ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã trong thời kỳ ổn định ngân sách 2023-2025

Sau khi nghe Sở Tài chính báo cáo (tại Công văn số 5275/STC-QLNS ngày 17/11/2023) và nghe các thành viên UBND tỉnh tham gia ý kiến, Chủ tịch UBND tỉnh kết luận như sau:

Thông nhất với nội dung đề xuất của Sở Tài chính. Giao Văn phòng UBND tỉnh phối hợp với Sở Tài chính rà soát, hoàn chỉnh dự thảo Tờ trình, dự thảo Nghị quyết; trình ký, chuyển hồ sơ phục vụ thẩm tra của HĐND tỉnh đúng thành phần, đúng số lượng theo yêu cầu của Thường trực HĐND tỉnh.

3. Hồ sơ Nghị quyết phê duyệt Đề án phát hành trái phiếu chính quyền địa phương năm 2024

Sau khi nghe Sở Tài chính báo cáo (tại Công văn số 5173/STC-QLNS ngày 14/11/2023) và nghe các thành viên UBND tỉnh tham gia ý kiến, Chủ tịch UBND tỉnh kết luận như sau:

Thống nhất với nội dung đề xuất của Sở Tài chính. Giao Văn phòng UBND tỉnh phối hợp với Sở Tài chính rà soát, hoàn chỉnh dự thảo Tờ trình, dự thảo Nghị quyết; trình ký, chuyển hồ sơ phục vụ thẩm tra của HĐND tỉnh đúng thành phần, đúng số lượng theo yêu cầu của Thường trực HĐND tỉnh.

4. Hồ sơ điều chỉnh, sửa đổi nội dung Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 23/9/2022 của HĐND tỉnh về việc ban hành Quy định chế độ hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và thu hút nhân tài trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

Sau khi nghe Sở Tài chính báo cáo (tại Công văn số 5281/STC-TCHSCN ngày 20/11/2023) và nghe các thành viên UBND tỉnh tham gia ý kiến, Chủ tịch UBND tỉnh kết luận như sau:

Thống nhất với nội dung đề xuất của Sở Tài chính. Giao Văn phòng UBND tỉnh phối hợp với Sở Tài chính rà soát, hoàn chỉnh dự thảo Tờ trình, dự thảo Nghị quyết; trình ký, chuyển hồ sơ phục vụ thẩm tra của HĐND tỉnh đúng thành phần, đúng số lượng theo yêu cầu của Thường trực HĐND tỉnh.

5. Hồ sơ Nghị quyết hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên giáo dục thường xuyên đang học tại các cơ sở giáo dục công lập trong năm học 2023-2024 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

Sau khi nghe Sở Giáo dục và Đào tạo báo cáo (tại Tờ trình số 3466/TTr-SGDĐT ngày 21/11/2023) và nghe các thành viên UBND tỉnh tham gia ý kiến, Chủ tịch UBND tỉnh kết luận như sau:

Thống nhất với nội dung đề xuất của Sở Giáo dục và Đào tạo. Giao Văn phòng UBND tỉnh phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo rà soát, hoàn chỉnh dự thảo Tờ trình, dự thảo Nghị quyết; trình ký, chuyển hồ sơ phục vụ thẩm tra của HĐND tỉnh đúng thành phần, đúng số lượng theo yêu cầu của Thường trực HĐND tỉnh.

6. Hồ sơ Nghị quyết quy định một số nội dung, định mức xây dựng dự thảo, mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

Sau khi nghe Sở Khoa học và Công nghệ báo cáo (tại Tờ trình số 2144/TTr-SKHCN ngày 21/11/2023) và nghe các thành viên UBND tỉnh tham gia ý kiến, Chủ tịch UBND tỉnh kết luận như sau:

Thống nhất với nội dung đề xuất của Sở Khoa học và Công nghệ. Giao Văn phòng UBND tỉnh phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ rà soát, hoàn chỉnh dự thảo Tờ trình, dự thảo Nghị quyết; trình ký, chuyển hồ sơ phục vụ thẩm tra của HĐND tỉnh đúng thành phần, đúng số lượng theo yêu cầu của Thường trực HĐND tỉnh.

7. Hồ sơ Nghị quyết sáp nhập, đổi tên một số thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Nha Trang và thị xã Ninh Hòa

Sau khi nghe Sở Nội vụ báo cáo (tại Tờ trình số 3987/TTr-SNV ngày 17/11/2023) và nghe các thành viên UBND tỉnh tham gia ý kiến, Chủ tịch UBND tỉnh kết luận như sau:

Thống nhất với nội dung đề xuất của Sở Nội vụ. Giao Văn phòng UBND tỉnh phối hợp với Sở Nội vụ rà soát, hoàn chỉnh dự thảo Tờ trình, dự thảo Nghị

quyết, hồ sơ Nghị quyết, trình ký, chuyển hồ sơ phục vụ thẩm tra của HĐND tỉnh đúng thành phần, đúng số lượng theo yêu cầu của Thường trực HĐND tỉnh.

8. Hồ sơ Nghị quyết điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025

Sau khi nghe Ban Dân tộc báo cáo (tại Công văn số 1193/BDT-NV ngày 21/11/2023) và nghe các thành viên UBND tỉnh tham gia ý kiến, Chủ tịch UBND tỉnh kết luận như sau:

Thông nhất với nội dung đề xuất của Ban Dân tộc. Giao Văn phòng UBND tỉnh phối hợp với Ban Dân tộc hoàn chỉnh dự thảo Tờ trình, dự thảo Nghị quyết, hồ sơ Nghị quyết. Giao Văn phòng UBND tỉnh rà soát, trình ký, chuyển hồ sơ phục vụ thẩm tra của HĐND tỉnh đúng thành phần, đúng số lượng theo yêu cầu của Thường trực HĐND tỉnh.

9. Hồ sơ Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 30/6/2022 của HĐND tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 -2025

Sau khi nghe Sở Lao động - Thương binh và Xã hội báo cáo (tại Tờ trình số 378/TTr-LĐTBXH ngày 21/11/2023) và nghe các thành viên UBND tỉnh tham gia ý kiến, Chủ tịch UBND tỉnh kết luận như sau:

Thông nhất với nội dung đề xuất của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. Giao Văn phòng UBND tỉnh phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội rà soát, hoàn chỉnh dự thảo Tờ trình, dự thảo Nghị quyết (lưu ý: đề xuất mức phân bổ vốn cụ thể, không sử dụng cụm từ "phân bổ tối đa" hoặc "phân bổ tối thiểu" trong dự thảo Nghị quyết), hồ sơ Nghị quyết, trình ký, chuyển hồ sơ phục vụ thẩm tra của HĐND tỉnh đúng thành phần, đúng số lượng theo yêu cầu của Thường trực HĐND tỉnh.

10. Hồ sơ Nghị quyết chủ trương đầu tư dự án Nâng cấp hệ thống camera và thiết bị tại Trung tâm chỉ huy Công an tỉnh

Sau khi nghe Công an tỉnh báo cáo và nghe các thành viên UBND tỉnh tham gia ý kiến, Chủ tịch UBND tỉnh kết luận như sau:

Thông nhất với nội dung đề xuất của Công an tỉnh. Giao Văn phòng UBND tỉnh phối hợp với Công an tỉnh hoàn chỉnh dự thảo Tờ trình, dự thảo Nghị quyết, hồ sơ Nghị quyết trình ký, chuyển hồ sơ phục vụ thẩm tra của HĐND tỉnh đúng thành phần, đúng số lượng theo yêu cầu của Thường trực HĐND tỉnh.

11. Hồ sơ Nghị quyết phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Chính trang khuôn viên Di tích Tháp Bà Ponagar Nha Trang và chủ trương đầu tư dự án Tu bổ, gia cố, phục hồi Tháp Nam (Tháp B) thuộc Di tích Tháp Bà Ponagar Nha Trang

Sau khi nghe Sở Văn hóa và Thể thao báo cáo (tại Tờ trình số 3961/TTr-SVHTT ngày 20/11/2023, Tờ trình số 3964/TTr-SVHTT ngày 20/11/2023) và nghe các thành viên UBND tỉnh tham gia ý kiến, Chủ tịch UBND tỉnh kết luận như sau:

Thống nhất với nội dung đề xuất của Sở Văn hóa và Thể thao. Giao Văn phòng UBND tỉnh phối hợp với Sở Văn hóa và Thể thao rà soát, hoàn chỉnh các dự thảo Tờ trình, dự thảo Nghị quyết, hồ sơ Nghị quyết, trình ký, chuyển hồ sơ phục vụ thẩm tra của HĐND tỉnh đúng thành phần, đúng số lượng theo yêu cầu của Thường trực HĐND tỉnh.

12. Hồ sơ Nghị quyết phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đường ven biển từ xã Vạn Lương huyện Vạn Lương đến thị xã Ninh Hòa

Sau khi nghe Ban Quản lý Khu Kinh tế Vân Phong báo cáo (tại Tờ trình số 2566/TTr-KKT ngày 02/11/2023) và nghe các thành viên UBND tỉnh tham gia ý kiến, Chủ tịch UBND tỉnh kết luận như sau:

Thống nhất với nội dung đề xuất của Ban Quản lý Khu Kinh tế Vân Phong. Giao Văn phòng UBND tỉnh phối hợp với Ban Quản lý Khu Kinh tế Vân Phong hoàn chỉnh dự thảo Tờ trình, dự thảo Nghị quyết, hồ sơ Nghị quyết. Giao Văn phòng UBND tỉnh rà soát, trình ký, chuyển hồ sơ phục vụ thẩm tra của HĐND tỉnh đúng thành phần, đúng số lượng theo yêu cầu của Thường trực HĐND tỉnh.

13. Hồ sơ Nghị quyết phê duyệt chủ trương đầu tư dự án chỉnh trị hạ lưu Sông Tắc (giai đoạn 2)

Sau khi nghe Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo (tại Công văn số 5474/SNN-KHĐT ngày 22/11/2023) và nghe các thành viên UBND tỉnh tham gia ý kiến, Chủ tịch UBND tỉnh kết luận như sau:

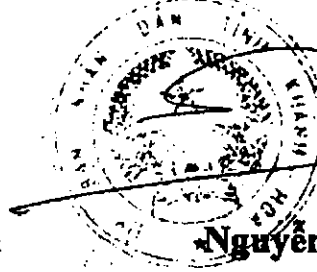
Thống nhất với nội dung đề xuất của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Giao Văn phòng UBND tỉnh phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoàn chỉnh dự thảo Tờ trình, dự thảo Nghị quyết, hồ sơ Nghị quyết. Giao Văn phòng UBND tỉnh rà soát, trình ký, chuyển hồ sơ phục vụ thẩm tra của HĐND tỉnh đúng thành phần, đúng số lượng theo yêu cầu của Thường trực HĐND tỉnh.

Trên cơ sở kết quả biểu quyết của các thành viên UBND tỉnh (100% thống nhất nội dung kết luận nêu trên), Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ngành liên quan khẩn trương hoàn chỉnh ngay các hồ sơ nghị quyết để kịp thời báo cáo HĐND tỉnh trước ngày 23/11/2023 phục vụ cho công tác thẩm tra./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Các thành viên UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Lãnh đạo các phòng: TH, KT, XDND, KGVX VPUB tỉnh;
- Lưu: VT, TP, HP.

**TL. CHỦ TỊCH
CHÁNH VĂN PHÒNG**



Nguyễn Thanh Hà

Số: 2144/TTr-SKHCCN

Khánh Hòa, ngày 21 tháng 11 năm 2023

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết ban hành quy định một số nội dung, định mức xây dựng dự toán, mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Căn cứ ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa tại văn bản số 543/HĐND-VP ngày 18/10/2023 về việc cho ý kiến đề nghị xây dựng Nghị quyết;

Thực hiện chỉ đạo tại văn bản số 10977/UBND-KGVX của UBND tỉnh ngày 23/10/2023 về việc xây dựng Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh, theo đó giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng hồ sơ Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh, quy định một số nội dung, định mức xây dựng dự toán, mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa theo đúng trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đảm bảo chất lượng và tiến độ để kịp thời trình tại Kỳ họp thứ 12, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VII.

Tuân thủ quy trình theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2020, Sở Khoa học và Công nghệ đã dự thảo Nghị quyết quy định một số nội dung, định mức xây dựng dự toán, mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. Sở Khoa học và Công nghệ đã triển khai lấy ý kiến góp ý theo quy định tại Điều 120 Luật Ban hành Văn bản quy phạm pháp luật và gửi toàn bộ hồ sơ cho Sở Tư pháp thẩm định theo quy định tại Điều 121 Luật Ban hành Văn bản quy phạm pháp luật.

Sở Khoa học và Công nghệ đã thực hiện báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết.

Sở Khoa học và Công nghệ kính trình UBND tỉnh xem xét./.

Hồ sơ gửi kèm gồm:

1. Dự thảo Tờ trình Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo nghị quyết;
2. Dự thảo nghị quyết;
3. Báo cáo thẩm định số 264/BC-STP ngày 20/11/2023 của Sở Tư pháp;
4. Báo cáo của Sở KH&CN:
 - Báo cáo số 198/BC-SKHCN ngày 03/11/2023 về kết quả thực hiện Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND;
 - Báo cáo số 215/BC-SKHCN ngày 16/11/2023 của Sở KH&CN tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân;
 - Báo cáo số 222/BC-SKHCN ngày 21/11/2023 của Sở KH&CN về việc giải trình tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp;
5. Tài liệu khác.

Nơi nhận:

- Như trên (VBĐT);
- Lưu: VT, QLKH, VP.



GIÁM ĐỐC

Lê Vinh Liên Trang

BÁO CÁO

Giải trình tiếp thu ý kiến thẩm định về dự thảo Nghị quyết quy định một số nội dung, định mức xây dựng dự toán, mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

Theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết quy định một số nội dung, định mức xây dựng dự toán, mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa tại Báo cáo thẩm định số 264/BC-STP ngày 20 tháng 11 năm 2023, Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì soạn thảo văn bản giải trình về việc tiếp thu ý kiến thẩm định như sau:

1. Kết luận của Sở Tư pháp

Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu UBND tỉnh tham mưu HĐND tỉnh thông qua nghị quyết ban hành Quy định một số nội dung, định mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa là có căn cứ và đảm bảo phù hợp, thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành.

2. Những nội dung giải trình, tiếp thu ý kiến và chỉnh sửa theo ý kiến thẩm định

Ý kiến thẩm định	Giải trình tiếp thu ý kiến thẩm định
Về trình tự, thủ tục xây dựng nghị quyết Sở Tư pháp nhận thấy thời gian đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh từ ngày 25/10/2023 (ngày Sở Khoa học và Công nghệ có công văn số 1952/STC-QLKH gửi dự thảo để đăng tải dự thảo lên Cổng Thông tin điện tử tỉnh) đến ngày 16/11/2023 (ngày Sở Khoa học và Công nghệ gửi hồ sơ đề nghị Sở Tư pháp thẩm định) vẫn chưa đủ thời hạn; do vậy, cơ quan soạn thảo cần lưu ý đảm bảo thời gian đăng tải lấy ý kiến dự thảo nghị quyết đúng quy định.	- Ngày 25/10/2023, Sở Khoa học và Công nghệ có công văn số 1952/SKHCN-QLKH gửi dự thảo để đăng tải dự thảo lên Cổng Thông tin điện tử tỉnh. - Đến nay, Sở Khoa học và Công nghệ chưa nhận được ý kiến góp ý nào. - Để kịp trình hồ sơ dự thảo Nghị quyết tại kỳ họp vào tháng 12 của Hội đồng nhân dân tỉnh, Sở KH&CN đã tổng hợp tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý từ các sở, ngành, đơn vị liên quan. - Đến hết ngày 24/11/2023, trước khi hoàn chỉnh hồ sơ tham mưu UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh nếu nhận được thông tin góp ý trên Cổng thông tin, Sở KH&CN sẽ tiếp thu, giải trình bổ sung.

<p>- Phần căn cứ: Theo tên gọi của văn bản đăng Công báo, đề nghị:</p> <p>+ Tại căn cứ thứ năm: Đề nghị viết hoa từ "<u>Khoa học</u>" trong tên văn bản "<u>Luật Khoa học và Công nghệ</u>".</p> <p>+ Tại căn cứ thứ chín: Đề nghị không viết hoa từ "<u>khoa học</u>" trong tên văn bản là "<u>Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ</u>".</p> <p>+ Tại căn cứ thứ mười một: Đề nghị không viết từ "<u>ngân sách</u>" trong tên văn bản là "<u>Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước</u>".</p> <p>+ Tại căn cứ thứ mười ba: Đề nghị không viết hoa từ "<u>hướng dẫn</u>"; chỉnh sửa cụm từ "<u>Bộ Khoa học và Công nghệ</u>" thành "<u>Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ</u>" trong tên văn bản "<u>Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước</u>".</p> <p>- Điều 3:</p> <p>Đề nghị trình bày tên điều bằng kiểu chữ đậm theo quy định điểm c khoản 5 Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy pháp luật. Cụ thể: "<u>Điều 3. Tổ chức thực hiện</u>".</p>	<p>Đã tiếp thu và bổ sung vào dự thảo</p>
<p>- Phần nơi nhận:</p> <p>+ Đề nghị bổ sung đầy đủ nơi nhận là "<u>Yu pháp chế - Bộ Tài</u></p>	<p>Đã tiếp thu và bổ sung vào dự thảo</p>

<p><i>chính</i>”; “<i>Vụ pháp chế - Bộ Khoa học và Công nghệ</i>”.</p> <p>+ Bổ sung nơi nhận là “<i>Các Ban của HĐND tỉnh</i>” (để giám sát thực hiện văn bản quy phạm pháp luật theo quy định khoản 1 Điều 164 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật).</p> <p>+ Ghi rõ nơi nhận là “<i>Sở Tư pháp</i>” (để thực hiện phối hợp Ban Pháp chế - HĐND tỉnh tự kiểm tra nghị quyết quy phạm pháp luật theo quy định Điều 111 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; cập nhật văn bản quy phạm pháp luật lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật theo quy định Nghị định số 52/2015/NĐ-CP ngày 28/5/2015 của Chính phủ về Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật).</p> <p>+ Bổ sung nơi nhận là “<i>Báo Khánh Hòa</i>”, “<i>Đài Phát thanh và Truyền hình Khánh Hòa</i>” theo quy định khoản 50 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.</p> <p>+ Bỏ nơi nhận là “<i>UBND tỉnh</i>” vì trùng với nơi nhận là “<i>VP UBND tỉnh</i>”.</p>	
<p>- Về nội dung dự thảo Nghị quyết: + Điều 2:</p> <p>Như đã nêu ở phần trên, Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND đã hết hiệu lực kể từ ngày 26/02/2023 (ngày Thông tư số 03/2023/TT-BTC có hiệu lực thi hành) theo quy định khoản 4 Điều 154 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Do vậy, dự thảo nghị quyết không thay thế Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND; đề nghị bỏ quy định Điều 2.</p> <p>Theo đó, cơ quan chuyên môn (Sở Khoa học và Công nghệ) cần</p>	<p>Đã tiếp thu và chỉnh sửa dự thảo</p> <p>Sở KH&CN rà soát, gửi Sở Tư pháp tổng hợp, tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh công bố Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND hết hiệu lực theo quy định Điều 157 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ</p>

<p>thực hiện rà soát, gửi Sở Tư pháp tổng hợp, tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh công bố Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND hết hiệu lực theo quy định Điều 157 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi, bổ sung tại khoản 34 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ).</p> <p>+ Điều 3: Đoạn cuối dự thảo nghị quyết: Cơ quan soạn thảo cần lưu ý tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh đảm bảo thời điểm có hiệu lực của nghị quyết <u>không sớm hơn 10 ngày kể từ ngày ký thông qua</u> theo quy định khoản 1 Điều 151 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi tại khoản 48 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).</p>	<p>Đơn vị chủ trì soạn thảo dự thảo tiếp thu và theo dõi kỳ họp của HĐND tỉnh vào tháng 12/2023 để tham mưu phù hợp, đảm bảo Nghị quyết được thông qua có hiệu lực không sớm hơn 10 ngày kể từ ngày ký thông qua.</p>
<p>Đối với dự thảo quy định a) Về thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản Dự thảo Quy định là văn bản độc lập kèm nghị quyết; do vậy, đề nghị thực hiện việc đánh số trang riêng cho dự thảo Quy định theo quy định Điều 76 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (không đánh số trang đầu tiên, số trang được đặt cạnh giữa theo chiều ngang trong phần lề trên của văn bản).</p>	<p>Đã tiếp thu và bổ sung vào dự thảo</p>
<p>b) Đối với nội dung dự thảo Quy định - Điều 1: + Khoản 1: Đây là dự thảo Quy định được ban hành kèm nghị</p>	<p>Đã tiếp thu và bổ sung vào dự thảo</p>

<p>quyết; do vậy, đề nghị chỉnh sửa đoạn từ: <u>“Nghị quyết này quy định một số nội dung”</u> thành <u>“Quy định này quy định một số nội dung”</u>.</p>	
<p>- Điều 3: Đề tên gọi Điều 3 đây đủ, thống nhất với tên gọi dự thảo Quy định, đề nghị chỉnh sửa tên Điều 3 như sau: <u>“Điều 3. Nguyên tắc áp dụng định mức lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ”</u>.</p>	<p>Đã tiếp thu và bổ sung vào dự thảo</p>
<p>- Điều 6: + Khoản 1: Điểm b khoản 1 Điều 6 dự thảo Quy định được xây dựng dựa trên quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 Thông tư số 03/2023/TT-BTC. Theo đó, tại điểm b khoản 1 Điều 6 Thông tư số 03/2023 quy định: <u>“Dự toán chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khác được quy định tại Thông tư quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Khoa học và Công nghệ (nếu có) được áp dụng tối đa bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu quy định tại điểm a khoản 1 Điều này”</u>. Tuy nhiên, tại điểm b khoản 1 Điều 6 dự thảo Quy định ngoài các Hội đồng tư vấn còn quy định thêm các hội đồng không phải là Hội đồng tư vấn như: Hội đồng đánh giá..., Hội đồng thẩm định..., Hội đồng xem xét...; do vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh để đảm bảo quy định phù hợp.</p>	<p>Tại điểm b, khoản 1, Điều 6 dự thảo Quy định được xây dựng dựa trên quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 Thông tư số 03/2023/TT-BTC, theo đó Sở KH&CN đã bổ sung cụ thể tên gọi của các Hội đồng tư vấn khác được quy định tại các văn bản của Bộ KH&CN và của UBND tỉnh nhưng hiện nay chưa có định mức chi: + Hội đồng đánh giá và công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học của tỉnh Khánh Hòa (theo quy định tại Điều 21, Quyết định 3605/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 về việc ban hành Quy định hướng dẫn thực hiện Điều lệ Sáng kiến; đánh giá và công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học của tỉnh Khánh Hòa. + Hội đồng thẩm định, thẩm tra cấp quyền sử dụng nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý do UBND tỉnh làm chủ sở hữu (theo Điều 11, 12 Quyết định 669/QĐ-UBND ngày 21/3/2016 về việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận “Yên sào Nha Trang”) + Hội đồng tư vấn khoa học công nghệ thẩm định công nghệ dự án đầu tư và Hội đồng Hội đồng tư vấn khoa học công nghệ thẩm định chính sách phát triển kinh tế xã hội của địa phương theo quy định tại Thông tư số 03/2016/TT-BKHCN ngày 30/3/2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về hồ sơ, nội dung và quy trình, thủ tục thẩm định cơ sở khoa học của chương trình phát triển kinh tế - xã hội, thẩm định công nghệ của dự án đầu tư; + Hội đồng tư vấn đánh giá doanh nghiệp khởi</p>

	<p>ngành đổi mới sáng tạo và Hội đồng tư vấn tuyển chọn dự án ươm tạo doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo theo Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2016 ban hành Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”;</p> <p>+ Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ thẩm định, đánh giá kết quả khoa học và công nghệ chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo Nghị định số 13/2019 ngày 01 tháng 02 năm 2019 về doanh nghiệp khoa học và công nghệ;</p> <p>+ Các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ bao gồm: Đánh giá tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ; đánh giá xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ; đánh giá dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ; đánh giá thẩm định giao công nghệ khuyến khích chuyển giao; đánh giá kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu; đánh giá công nghệ được tổ chức, cá nhân trong nước tạo ra từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để sản xuất sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực; đánh giá kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu theo quy định của Nghị định 76/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chuyển giao công nghệ.</p> <p>+ Hội đồng sơ tuyển giải thưởng chất lượng quốc gia theo quy định tại Điều 27b Nghị định 132/2008/NĐ-CP, được sửa đổi theo khoản 12 Điều 1 Nghị định 74/2018/NĐ-CP</p> <p>+ Hội đồng xem xét dự án xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương theo Điều 6 Thông tư 26/2019/TT-BKHCN</p>
--	---

<p>+ Khoản 6: Khoản 6 được xây dựng trên cơ sở quy định tại khoản 8 Điều 6 Thông tư số 03/2023/TT-BTC là: <u>“Các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật”</u>.</p> <p>Vậy, đề nghị Quý cơ quan giải trình rõ trong nội dung dự thảo Tờ trình về cơ sở để xây dựng các nội dung chi, mức chi quy định tại khoản 6 Điều 6 dự thảo Quy định.</p>	<p>Đã bổ sung giải trình rõ trong nội dung dự thảo Tờ trình về cơ sở để xây dựng các nội dung chi, mức chi quy định tại khoản 6 Điều 6 dự thảo Quy định.</p>
<p>- Đề nghị rà soát toàn bộ dự thảo để: Chính sửa đúng thẩm quyền ban hành của các thông tư được viện dẫn là <u>Bộ trưởng</u> (ví dụ: từ “Bộ Tài chính” thành “<u>Bộ trưởng</u> Bộ Tài chính”, “Bộ Khoa học và Công nghệ” thành “<u>Bộ trưởng</u> Bộ khoa học và Công nghệ”); không viết hoa từ “<i>khoản</i>” khi viện dẫn điều, khoản có liên quan.</p>	<p>Đã tiếp thu và rà soát, chỉnh sửa dự thảo</p>

3. Những nội dung khác với ý kiến thẩm định: Không.


Trên đây là báo cáo của Sở Khoa học và Công nghệ về việc giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp về dự thảo Nghị quyết quy định một số nội dung, định mức xây dựng dự toán, mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa./.

(Đính kèm: Dự thảo Nghị quyết đã tiếp thu, chỉnh sửa; dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh về dự thảo Nghị quyết)

Nơi nhận: (VBĐT)

- UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, QLKH, VP.

GIÁM ĐỐC



Lê Vinh Liên Trang

Số: 264 /BC-STP

Khánh Hòa, ngày 20 tháng 11 năm 2023

BÁO CÁO

Thẩm định dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định một số nội dung, định mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

Căn cứ các quy định pháp luật hiện hành, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định đối với dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định một số nội dung, định mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa (kèm theo đề nghị thẩm định tại công văn số 2104/SKHHCN-QLKH ngày 16/11/2023 của Sở Khoa học và Công nghệ) như sau:

1. Tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất với hệ thống pháp luật

- Trước đây, căn cứ quy định khoản 1 Điều 3 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước; Sở Khoa học và Công nghệ đã tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 quy định mức hỗ trợ nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở; nội dung và định mức kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Khánh Hòa.

- Ngày 10/01/2023, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 03/2023/TT-BTC quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (có hiệu lực kể từ ngày 26/02/2023); tại khoản 3 Điều 12 Thông tư số 03/2023/TT-BTC quy định: "**Các nội dung sau đây hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành:**

a) Điều 1; Điều 2; **Điều 3**; Điều 4; Điều 6; điểm b khoản 1 Điều 7 (đối với nội dung quy định về tiền công trực tiếp cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tính theo ngày công lao động quy đổi); khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7, khoản 8 và khoản 9 Điều 7; Điều 8; Điều 9; Điều 10; Điều 11; Điều 12; Điều 13; Điều 14; Điều 15; Điều 16 **Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN**".

Như vậy, Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND đã hết hiệu lực thi hành kể từ ngày 26/02/2023 (ngày Thông tư số 03/2023/TT-BTC có hiệu lực thi hành) theo quy định khoản 4 Điều 154 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 03/2023/TT-BTC quy định: “*Các định mức lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước quy định tại Thông tư này là định mức tối đa áp dụng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước. Căn cứ quy định tại Thông tư này, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (sau đây gọi là các bộ, cơ quan trung ương) và các địa phương căn cứ tình hình thực tế và khả năng ngân sách được giao để phê duyệt định mức lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý để thực hiện thống nhất trong phạm vi bộ, cơ quan trung ương và địa phương, đảm bảo phù hợp với đặc thù hoạt động khoa học và công nghệ của bộ, cơ quan trung ương, địa phương và khả năng cân đối ngân sách được giao, nhưng tối đa không vượt quá định mức quy định tại Thông tư này.*”

Trong trường hợp cần thiết, căn cứ khả năng cân đối ngân sách và điều kiện cụ thể của từng địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định bổ sung một số nội dung và mức chi ngoài các nội dung, định mức chi quy định tại Thông tư này để thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của địa phương đảm bảo hiệu quả, phù hợp với thực tế và theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn”.

- Ngày 18/10/2023, Thường trực HĐND tỉnh có văn bản số 543/HĐND-VP thống nhất với đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định một số nội dung, định mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa (trên cơ sở Tờ trình số 9826/TTr-UBND ngày 27/9/2023 của UBND tỉnh); sau đó, UBND tỉnh có văn bản số 10977/UBND-KGVX ngày 23/10/2023 giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng hồ sơ dự thảo nghị quyết.

Như vậy, việc Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu UBND tỉnh tham mưu HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết ban hành Quy định một số nội dung, định mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa là có căn cứ và đảm bảo phù hợp, thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành.

2. Về trình tự, thủ tục xây dựng nghị quyết

Thực hiện chỉ đạo của UBND tại công văn số 10977/UBND-KGVX, Sở Khoa học và Công nghệ đã soạn thảo Nghị quyết nêu trên và gửi lấy ý kiến cơ quan, tổ chức có liên quan; đăng tải dự thảo trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh để thực hiện lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân góp ý kiến. theo quy định Điều 120 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Tuy nhiên, Sở Tư pháp nhận thấy: thời gian đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh từ ngày 25/10/2023 (ngày Sở Khoa học và Công nghệ có công văn số 1952/STC-QLKH gửi dự thảo để đăng tải dự thảo lên Cổng Thông tin điện tử tỉnh) đến ngày 16/11/2023 (ngày Sở Khoa học và Công nghệ gửi hồ sơ đề nghị Sở Tư pháp thẩm định) vẫn chưa đủ thời hạn; do vậy, cơ quan soạn thảo cần lưu ý phải đảm bảo thời gian đăng tải lấy ý kiến dự thảo nghị quyết đúng quy định.

3. Đối với dự thảo nghị quyết

a) Về thể thức, kỹ thuật văn bản

Nhìn chung, Sở Tư pháp thống nhất với thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản của dự thảo nghị quyết, chỉ đề nghị cơ quan soạn thảo chỉnh sửa một số điểm sau đây:

- Phần căn cứ:

Căn cứ vào tên gọi của văn bản đăng trên Công báo, đề nghị:

+ Tại căn cứ thứ năm: Đề nghị viết hoa từ "Khoa học" trong tên văn bản "Luật Khoa học và Công nghệ".

+ Tại căn cứ thứ chín: Đề nghị không viết hoa từ "khoa học" trong tên văn bản là "Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ".

+ Tại căn cứ thứ mười một: Đề nghị không viết từ "ngân sách" trong tên văn bản là "Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước".

+ Tại căn cứ thứ mười ba: Đề nghị không viết hoa từ "hướng dẫn"; chỉnh sửa cụm từ "Bộ Khoa học và Công nghệ" thành "Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ" trong tên văn bản "Thông tư số 02/2023/TT-BKHHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước".

- Điều 3:

Đề nghị trình bày tên điều bằng kiểu chữ **đậm** theo quy định điểm c khoản 5 Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy pháp luật. Cụ thể: "**Điều 3. Tổ chức thực hiện**".

- Phần nơi nhận:

+ Đề nghị bổ sung đầy đủ nơi nhận là "Vu pháp chế - Bộ Tài chính"; "Vu pháp - Bộ Khoa học và Công nghệ".

+ Bổ sung nơi nhận là "Các Ban của HĐND tỉnh" (để giám sát thực hiện văn

bản quy phạm pháp luật theo quy định khoản 1 Điều 164 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

+ Ghi rõ nơi nhận là “*Sở Tư pháp*” (để thực hiện phối hợp Ban Pháp chế - HĐND tỉnh tự kiểm tra nghị quyết quy phạm pháp luật theo quy định Điều 111 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; cập nhật văn bản quy phạm pháp luật lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật theo quy định Nghị định số 52/2015/NĐ-CP ngày 28/5/2015 của Chính phủ về Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật).

+ Bổ sung nơi nhận là “*Báo Khánh Hòa*”, “*Đài Phát thanh và Truyền hình Khánh Hòa*” theo quy định khoản 50 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

+ Bỏ nơi nhận là “*UBND tỉnh*” vì trùng với nơi nhận là “*VP UBND tỉnh*”.

b) Đối với nội dung dự thảo nghị quyết

- Điều 2:

Như đã nêu ở phần trên, Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND đã hết hiệu lực kể từ ngày 26/02/2023 (*ngày Thông tư số 03/2023/TT-BTC có hiệu lực thi hành*) theo quy định khoản 4 Điều 154 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Do vậy, dự thảo Nghị quyết không thay thế Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND; đề nghị bỏ quy định Điều 2.

Vì vậy, cơ quan chuyên môn (Sở Khoa học và Công nghệ) cần thực hiện rà soát, gửi Sở Tư pháp tổng hợp, tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh **công bố Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND hết hiệu lực** theo quy định Điều 157 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (*sửa đổi, bổ sung tại khoản 34 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ*).

- Điều 3:

+ Đoạn cuối dự thảo Nghị quyết:

Cơ quan soạn thảo cần lưu ý tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh đảm bảo thời điểm có hiệu lực của nghị quyết **không sớm hơn 10 ngày kể từ ngày ký thông qua** theo quy định khoản 1 Điều 151 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi tại khoản 48 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

4. Đối với dự thảo Quy định

a) Về thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản

Dự thảo Quy định là văn bản độc lập kèm nghị quyết; do vậy, đề nghị thực hiện việc đánh số trang riêng cho dự thảo Quy định theo quy định Điều 76 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (không đánh số trang đầu tiên, số trang được đặt canh giữa theo chiều ngang trong phần lề trên của văn bản).

b) Đối với nội dung dự thảo Quy định

- Điều 1:

+ Khoản 1: Đây là dự thảo Quy định được ban hành kèm nghị quyết; do vậy, đề nghị chỉnh sửa đoạn từ: “*Nghị quyết này quy định một số nội dung*” thành “*Quy định này quy định một số nội dung*”.

- Điều 3:

Đề tên gọi Điều 3 đầy đủ, thống nhất với tên gọi dự thảo Quy định, đề nghị chỉnh sửa tên Điều 3 như sau:

“Điều 3. Nguyên tắc áp dụng định mức lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ”.

- Điều 6:

+ Khoản 1:

Điểm b khoản 1 Điều 6 dự thảo Quy định được xây dựng dựa trên quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 Thông tư số 03/2023/TT-BTC. Theo đó, tại điểm b khoản 1 Điều 6 Thông tư số 03/2023/TT-BTC quy định: “*Dự toán chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khác được quy định tại Thông tư quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Khoa học và Công nghệ (nếu có) được áp dụng tối đa bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu quy định tại điểm a khoản 1 Điều này*”.

Tuy nhiên, tại điểm b khoản 1 Điều 6 dự thảo Quy định ngoài các Hội đồng tư vấn còn quy định thêm các hội đồng không phải là Hội đồng tư vấn như: Hội đồng đánh giá..., Hội đồng thẩm định..., Hội đồng xem xét...; do vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh để đảm bảo quy định phù hợp.

+ Khoản 6:

Khoản 6 được xây dựng trên cơ sở quy định tại khoản 8 Điều 6 Thông tư số 03/2023/TT-BTC là: “*Các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật*”.

Vì vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo giải trình rõ trong nội dung dự thảo Trình bày về cơ sở để xây dựng các nội dung chi, mức chi quy định tại khoản 6 Điều 6 dự thảo Quy định.

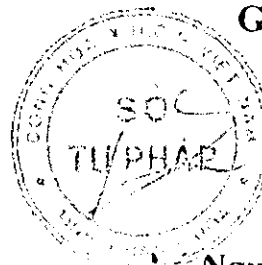
- Đề nghị rà soát toàn bộ dự thảo đề: Chỉnh sửa đúng thẩm quyền ban hành của các thông tư được viện dẫn là Bộ trưởng (ví dụ: từ “Bộ Tài chính” thành “Bộ trưởng Bộ Tài chính”, “Bộ Khoa học và Công nghệ” thành “Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ”); không viết hoa từ “*khoản*” khi viện dẫn điều, khoản có liên quan theo quy định khoản 6 Mục V Phụ lục VI ban hành kèm Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

Các nội dung khác của dự thảo nghị quyết có liên quan đến chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính; các cơ quan, tổ chức hữu quan khác; do vậy, các cơ quan có trách nhiệm căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ kiểm tra, rà soát để đảm bảo dự thảo được đầy đủ và đúng quy định pháp luật.

Sở Tư pháp chuyên ý kiến thẩm định đối với dự thảo nghị quyết đến Sở Khoa học và Công nghệ để nghiên cứu, sử dụng theo thẩm quyền và quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- Sở KH&CN;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Các Phó Giám đốc Sở (đề biết);
- Lưu VT, VBQPPL&TDTHPL (MT).



GIÁM ĐỐC

Lý Nguyễn Nguyên Vũ

Số: 215 /BC-SKHCHN

Khánh Hòa, ngày 16 tháng 11 năm 2023

BÁO CÁO

**Tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý dự thảo
Nghị quyết quy định một số nội dung, định mức xây dựng dự toán, mức chi
đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở
trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa**

I. ĐỐI TƯỢNG, CĂN CỨ LẤY Ý KIẾN

TT	Đối tượng	Căn cứ lấy ý kiến	Văn bản lấy ý kiến của Sở Khoa học và Công nghệ
1	Các cơ quan, tổ chức có liên quan (sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Các tổ chức chính trị-xã hội và đoàn thể; Các trường đại học, cao đẳng, tổ chức KH&CN thuộc tỉnh)	Khoản 2 Điều 120 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015	- Văn bản số 1952/SKHCHN-QLKH ngày 25/10/2023
2	Đăng tải Cổng Thông tin Điện tử tỉnh Khánh Hòa	Khoản 1 Điều 120 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015	- Văn bản số 1951/SKHCHN-QLKH ngày 25/10/2023

II. NỘI DUNG GÓP Ý VÀ GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN

1. Nhóm các cơ quan, tổ chức có liên quan

- Tổng số tổ chức, đơn vị gửi lấy ý kiến: 60 cơ quan bao gồm sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Các tổ chức chính trị-xã hội và đoàn thể; Các trường đại học, cao đẳng, tổ chức KH&CN thuộc tỉnh.

- Số cơ quan, đơn vị có công văn phản hồi: 23/60 (38,3%); các đơn vị không có văn bản phản hồi xem như thống nhất với dự thảo Nghị quyết.

Trong số 23 ý kiến phản hồi, có 16 cơ quan, đơn vị thống nhất với dự thảo nghị quyết và có 07 cơ quan đóng góp ý kiến, Sở Khoa học và Công nghệ đã tiếp thu, giải trình cụ thể tại bảng tổng hợp kèm theo công văn.

2. Các ý kiến còn lại

Sở Khoa học và Công nghệ đã thực hiện đăng tải dự thảo nghị quyết trên

Công thông tin điện tử tỉnh và trang Thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ (đăng tải ngày 25/10/2023) nhưng không nhận được ý kiến góp ý nào.

III. ĐÁNH GIÁ TỔNG THỂ

Tất cả ý kiến góp ý của các tổ chức, cơ quan, đơn vị liên quan về dự thảo Nghị quyết quy định một số nội dung, định mức xây dựng dự toán, mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa đã được Sở Khoa học và Công nghệ tiếp thu, giải trình cụ thể./.

(Đính kèm bản tổng hợp các nội dung góp ý; các Văn bản góp ý kiến của các cơ quan, đơn vị)

Nơi nhận: (VBĐT)

- Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, QLKH, VP.

GIÁM ĐỐC



Lê Vinh Liên Trang

TỔNG HỢP CÁC NỘI DUNG GÓP Ý

Dự thảo Nghị quyết quy định một số nội dung, định mức xây dựng dự toán, mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

1. Các đơn vị có ý kiến góp ý

TT	Đơn vị góp ý	Điều khoản góp ý	Nội dung góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình của Sở KH&CN
1	Trường Đại học Khánh Hòa	Điều 6, khoản 1, mục a	Nội dung công việc ở mục 2. Chi về tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ, bổ sung cụm từ “Chi xét duyệt đề cương nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở”	Sở KH&CN tiếp thu, bổ sung
2	Sở Văn hóa và Thể thao	Điều 5, khoản 4	Sửa nội dung trong cột đơn vị tính của Biểu quy định mức chi thù lao tham gia hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học cho phù hợp quy định của Thông tư 03/2023/TT-BTC	Sở KH&CN tiếp thu, bổ sung
3	UBND huyện Vạn Ninh	Điều 5, khoản 1	- Sắp xếp lại cách diễn đạt các ý - Bổ sung “ <i>Trường hợp thời gian tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ vào các ngày nghỉ, ngày lễ, tết thì tiền thù lao thực hiện đề tài thực hiện theo Bộ Luật lao động hiện hành</i> ”	- Sở KH&CN tiếp thu sắp xếp các ý diễn đạt - Nội dung này không được quy định trong Thông tư 03/2023/TT-BTC nên không có cơ sở để bổ sung.

		Điều 5, khoản 4	Điều chỉnh đơn vị tính Biểu quy định mức chi thù lao tham gia hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Sở KH&CN tiếp thu, điều chỉnh
		Điều 5, khoản 7	Đề nghị bổ sung các nội dung chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Các nội dung chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các đơn vị chủ trì thực hiện tự đề xuất thanh quyết toán trong thực tế triển khai nhiệm vụ
		Điều 6, khoản 1, điểm a	Đề nghị điều chỉnh mức chi thù lao cho Thư ký khoa học và Thư ký hành chính bằng nhau trong các hoạt động của Hội đồng tư vấn nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở	Sở KH&CN tiếp thu, điều chỉnh
			Đề nghị bổ sung quy định về mức hỗ trợ tối đa và đối ứng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở	Không có căn cứ để bổ sung định mức hỗ trợ tối đa và đối ứng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở
4	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Điều 5, khoản 4	Chỉnh sửa lỗi chính tả	Sở KH&CN tiếp thu, điều chỉnh
5	Sở Y tế	Nội dung trích yếu dự thảo tờ trình của UBND tỉnh	Sửa lại: Về việc đề nghị xây dựng nghị quyết ban hành quy định một số nội dung, định mức xây dựng dự toán, mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh,	- Đây là giai đoạn soạn thảo dự thảo Nghị quyết - Theo quy định tại khoản 36, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản QPPL,

			cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa	thành phần hồ sơ gửi Sở Tư pháp thẩm định gồm: Tờ trình UBND tỉnh về dự thảo Nghị quyết. Vì vậy Sở KH&CN giữ nguyên nội dung trích yếu của tờ trình.
6	Trung tâm Thông tin và ứng dụng KH&CN	Điều 6, Khoản 1, điểm a	Bổ sung rõ thêm nhiệm vụ của Tổ chuyên gia đối với việc “kiểm tra thực tế cơ sở vật chất, kỹ thuật, nhân lực và năng lực tài chính của tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì và tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; kiểm tra, thẩm định các thông số kỹ thuật và tài liệu công nghệ sản phẩm nhiệm vụ khoa học và công nghệ” để thuận lợi cho công tác thanh quyết toán.	Sở KH&CN tiếp thu, điều chỉnh: - Đã bổ sung rõ thêm nhiệm vụ của Tổ chuyên gia đối với việc “kiểm tra thực tế cơ sở vật chất, kỹ thuật, nhân lực và năng lực tài chính của tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì và tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; kiểm tra, thẩm định các thông số kỹ thuật và tài liệu công nghệ sản phẩm nhiệm vụ khoa học và công nghệ” được quy định tại khoản 2, Điều 13 Quyết định số 22/2015/QĐ-UBND ngày 21/9/2015; khoản 7, Điều 8, Thông tư 20/2023/TT-BKH&CN ngày 12/10/2023.
		Điều 6, Khoản 1, điểm b	Bổ sung rõ tên gọi của 1 số Hội đồng tư vấn khác	- Đã bổ sung rõ tên gọi của một số Hội đồng tư vấn khác, cụ thể: + Hội đồng đánh giá và công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học của tỉnh Khánh Hòa
			Bổ sung quy định về định mức chi trả tiền di chuyển, công tác phí cho chuyên gia được mời tham dự các Hội đồng tư vấn KH&CN	
		Điều 6, Khoản 6	Bổ sung rõ các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến công tác quản lý nhiệm vụ KH&CN: chi trả	

			<p>cho đại biểu tham dự mở hồ sơ tuyển chọn; hậu cần, trang trí; photo, in ấn...</p>	<p>(theo quy định tại Điều 21, Quyết định 3605/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 về việc ban hành Quy định hướng dẫn thực hiện Điều lệ Sáng kiến; đánh giá và công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học của tỉnh Khánh Hòa.</p> <p>+ Hội đồng thẩm định, thẩm tra cấp quyền sử dụng nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý do UBND tỉnh làm chủ sở hữu (theo Điều 11, 12 Quyết định 669/QĐ-UBND ngày 21/3/2016 về việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận “Yến sào Nha Trang”)</p> <p>+ Hội đồng tư vấn khoa học công nghệ thẩm định công nghệ dự án đầu tư và Hội đồng Hội đồng tư vấn khoa học công nghệ thẩm định chính sách phát triển kinh tế xã hội của địa phương theo quy định tại Thông tư số 03/2016/TT-BKHHCN ngày 30/3/2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về hồ sơ, nội dung và quy trình, thủ tục thẩm định cơ sở khoa học của chương trình phát triển kinh tế - xã hội, thẩm định công</p>
--	--	--	--	---

7	Sở Tài chính	Điều 5, khoản 1, điểm a	Thay thế cụm từ “đôi với chức danh chủ nhiệm” thành cụm từ “tham gia”	Sở KH&CN tiếp thu, điều chỉnh
		Điều 5, khoản 1, điểm c	Bổ sung “Tiền công lao động phổ thông hỗ trợ các công việc trong nội dung nghiên cứu (nếu có)”	Sở KH&CN tiếp thu, điều chỉnh
		Nguồn lực đảm bảo thi hành Nghị quyết	Đề nghị Sở KH&CN triển khai thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa đảm bảo trong phạm vi dự toán sự nghiệp KH&CN được giao hàng năm	Sở KH&CN tiếp thu

2. Các đơn vị thống nhất dự thảo: 16 đơn vị

STT	Đơn vị
1	Sở Nội vụ
2	Sở Ngoại vụ
3	Sở Giao thông vận tải
4	Sở Lao động Thương binh và Xã hội
5	Sở Tài nguyên và Môi trường

6	Sở Thông tin và Truyền thông
7	Trường Cao đẳng kỹ thuật công nghệ
8	Ban Dân tộc
9	Liên hiệp các Hội Khoa học kỹ thuật tỉnh
10	Cục Hải quan
11	UBND huyện Khánh Sơn
12	UBND huyện Khánh Vĩnh
13	UBND Tp Cam Ranh
14	UBND huyện Diên Khánh
15	UBND Tp Nha Trang
16	Công an tỉnh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN VẠN NINH**

Số: 41/4⁴/UBND-KT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Vạn Ninh, ngày 10 tháng 11 năm 2023

V/v góp ý dự thảo Nghị quyết quy định một số nội dung, định mức xây dựng dự toán, mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ

Ủy ban nhân dân huyện Vạn Ninh nhận được Công văn số 1952/SKH-CN-QLKH ngày 25/10/2023 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc góp ý dự thảo Nghị quyết quy định một số nội dung, định mức xây dựng dự toán, mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Sau khi nghiên cứu, Ủy ban nhân dân huyện Vạn Ninh có ý kiến như sau:

I. Đối với dự thảo Nghị quyết

Đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, điều chỉnh một số nội dung sau:

1. Tại khoản 1, Điều 5, Chương II, đề nghị điều chỉnh thành:

“1. Dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Tiền thù lao cho các chức danh hoặc nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tính theo số tháng quy đổi tham gia thực hiện nhiệm vụ. Trong đó, định mức chi thù lao được quy định cụ thể như sau: Chủ nhiệm nhiệm vụ tối đa 32 triệu đồng/người/tháng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh; tối đa 16 triệu đồng/người/tháng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở; Đối với các chức danh hoặc nhóm chức danh khác, mức chi thù lao tối đa không quá 0,8 lần mức chi của chủ nhiệm nhiệm vụ.

Dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định tại Điều 4, Điều 5 Thông tư số 02/2023/TT-BKH-CN, trong đó định mức thù lao thực hiện nhiệm vụ theo tháng của chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ (DM_{CN}) tính theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này.

Trường hợp thời gian tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không đủ một tháng, dự toán chi thù lao được tính theo mức thù lao của số ngày tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ của chức danh hoặc nhóm chức danh tương ứng. Mức thù lao ngày được tính trên cơ sở mức thù lao của một tháng chia 22 ngày. Trường hợp thời gian tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học

và công nghệ vào các ngày nghỉ, ngày lễ, tết thì tiền thù lao thực hiện đề tài thực hiện theo Bộ Luật Lao động hiện hành.

b) Tiền công lao động phổ thông

Dự toán chi tiền công thuê lao động phổ thông được tính theo mức tiền lương tối thiểu vùng cao nhất tính theo ngày do Nhà nước quy định tại thời điểm xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (mức tiền công thuê theo ngày tính theo mức lương tháng chia cho 22 ngày) ”

2. Tại khoản 4, Điều 5, Chương II:

Đề nghị **điều chỉnh đơn vị tính** tại *Bảng mức chi thù lao tham gia hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học* phù hợp với quy định tại khoản 4, Điều 4, Chương II của Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ Tài chính.

3. Tại khoản 7, Điều 5, Chương II:

Đề nghị **bổ sung các nội dung** chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

4. Tại điểm a, khoản 1, Điều 6:

Đề nghị **điều chỉnh mức chi thù lao** cho Thư ký khoa học và Thư ký hành chính **bằng nhau** trong các hoạt động của Hội đồng tư vấn nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

II. Đề xuất, kiến nghị:

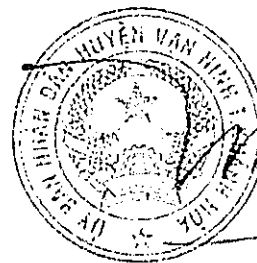
Đề nghị bổ sung quy định về mức hỗ trợ tối đa và đối ứng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

Ủy ban nhân dân huyện Vạn Ninh gửi Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp./.

Nơi nhận: (VBĐT)

- Như trên;
- Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Sơn

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TỈNH KHÁNH HÒA
TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ ỨNG DỤNG
KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

Số: 160 /TTUD

V/v góp ý dự thảo Nghị quyết quy định một số nội dung, định mức xây dựng dự toán, mức chi đối với nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh và cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Khánh Hòa, ngày 14 tháng 11 năm 2023

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ

Thực hiện đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Công văn số 1952/SKHCN-QLKH ngày 25/10/2023 về việc góp ý dự thảo Nghị quyết quy định một số nội dung, định mức xây dựng dự toán, mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, Trung tâm Thông tin và Ứng dụng khoa học công nghệ Khánh Hòa có một số ý kiến góp ý với Điều 6. Một số định mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại dự thảo nghị quyết, cụ thể:

- Tại điểm a khoản 1: Đề nghị bổ sung rõ thêm nhiệm vụ của Tổ chuyên gia đối với việc “kiểm tra thực tế cơ sở vật chất, kỹ thuật, nhân lực và năng lực tài chính của tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì và tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; kiểm tra, thẩm định các thông số kỹ thuật và tài liệu công nghệ sản phẩm nhiệm vụ khoa học và công nghệ” tại nội dung “Chi thù lao chuyên gia xử lý các vấn đề kỹ thuật hỗ trợ cho hoạt động của Hội đồng” để thuận lợi cho công tác thanh quyết toán

- Tại điểm b khoản 1: Đề nghị bổ sung rõ tên gọi của một số Hội đồng tư vấn khác;

- Đề nghị bổ sung quy định về định mức chi trả tiền di chuyển, công tác phí cho chuyên gia được mời tham dự các Hội đồng tư vấn KH&CN;

- Tại khoản 6: bổ sung rõ các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến công tác quản lý nhiệm vụ KH&CN: chi trả cho đại biểu tham dự mở hồ sơ tuyển chọn; hậu cần, trang trí; photo, in ấn...

Trân trọng./.

Nơi nhận (VBĐT):

- Như trên;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Tấn Thành

UBND TỈNH KHÁNH HÒA
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 4516 /SYT-KHTC

Khánh Hòa, ngày 10 tháng 1 năm 2023

V/v góp ý dự thảo Nghị quyết quy định một số nội dung, định mức xây dựng dự toán, mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ

Sở Y tế nhận được Công văn số 1952/SKH-CN-QLKH ngày 25/10/2023 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc góp ý kiến dự thảo Nghị quyết quy định một số nội dung, định mức xây dựng dự toán, mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Sau khi nghiên cứu, Sở Y tế ý kiến như sau:

- Nội dung trích yếu dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh sửa lại như sau: **“Về việc đề nghị xây dựng Nghị quyết Ban hành Quy định một số nội dung, định mức xây dựng dự toán, mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa”.**

- Các nội dung khác Sở Y tế thống nhất ý kiến.

Sở Y tế báo cáo Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên (VBĐT);
- Lưu: VT, KHTC.



Bùi Xuân Minh

Số:3824/SVHTT-KHTC

Khánh Hòa, ngày 08 tháng 11 năm 2023

V/v góp ý dự thảo Nghị quyết quy định một số nội dung, định mức xây dựng dự toán, mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ

Sở Văn hóa và Thể thao nhận được công văn số 1952/SKHCN-QLKH ngày 25/10/2023 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc góp ý dự thảo Nghị quyết quy định một số nội dung, định mức xây dựng dự toán, mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. Sau khi nghiên cứu, Sở Văn hóa và Thể thao cơ bản thống nhất với nội dung dự thảo Nghị quyết và có ý kiến góp ý như sau:

Tại khoản 4 Điều 5, đề nghị sửa nội dung trong cột “Đơn vị tính” của Biểu quy định mức chi thù lao tham gia hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học cho phù hợp với qui định của Thông tư số 03/2023/TT-BTC, cụ thể:

Đơn vị tính: 1.000 đồng


ST T	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh	Mức chi nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở
1	Người chủ trì	người/buổi hội thảo	1.600	800
2	Thư ký hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	người/ buổi hội thảo	400	200
3	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Báo cáo/hội thảo	2.400	1.200
4	Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đề nghị viết báo cáo nhưng không trình bày tại hội thảo, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Báo cáo/hội thảo	1.200	600
5	Thành viên tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	người/ buổi hội thảo	240	120

Sở Văn hóa và Thể thao kính gửi Sở Khoa học và Công nghệ xem xét và tổng hợp./.

Nơi nhận: (VBĐT)

- Như trên;
- Đ/c Hoa – PGĐ Sở;
- Lưu: VT, KHTC (Thảo).

GIÁM ĐỐC



SỞ
VĂN HÓA
VÀ THỂ THAO

Nguyễn Văn Nhuận

Số: 5203/SNN-KHĐT

Khánh Hòa, ngày 10 tháng 11 năm 2023

V/v góp ý dự thảo Nghị quyết quy định một số nội dung, định mức xây dựng dự toán, mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhận được văn bản số 1952/SKH-QLKH ngày 25/10/2023 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc góp ý dự thảo Nghị quyết quy định một số nội dung, định mức xây dựng dự toán, mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà. Sau khi nghiên cứu dự thảo, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cơ bản thống nhất với các nội dung của dự thảo và có ý kiến như sau:

Đề nghị chỉnh sửa Khoản 4 Điều 5 Nghị quyết từ “4. Dự toán chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa **đàn** khoa học, ...” thành “4. Dự toán chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa **đàm** khoa học, ...”.

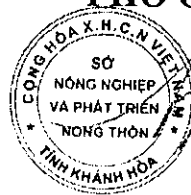
Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có ý kiến gửi Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp./.

Nơi nhận: (VBĐT)

- Như trên;

- Lưu: VP, KHĐT, (NQ).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Bá Ninh

Số: 1126/ĐHKH-KHCN&HTĐN
V/v góp ý dự thảo Nghị quyết quy định
một số nội dung, định mức xây dựng dự
toán, mức chi đối với nhiệm vụ khoa học
và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở trên địa
bàn tỉnh Khánh Hòa

Khánh Hòa, ngày 03 tháng 11 năm 2023

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Khánh Hòa

Thực hiện Công văn số 1950/SKHCN-QLKH ngày 25/10/2023 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Khánh Hòa về việc góp ý dự thảo Nghị quyết quy định một số nội dung, định mức xây dựng dự toán, mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Sau khi nghiên cứu các nội dung trong Dự thảo Nghị quyết Ban hành Quy định một số nội dung, định mức xây dựng dự toán, mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. Trường Đại học Khánh Hòa có ý kiến như sau:

Cơ bản nhất trí với các Điều, Khoản trong dự thảo Nghị quyết quy định một số nội dung, định mức xây dựng dự toán, mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

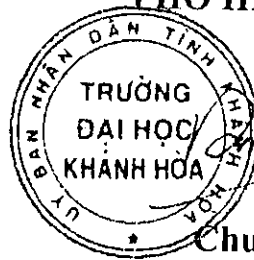
Đối với Điều 6, Khoản 1, Mục a) Chi tiền thù lao, nội dung công việc ở mục 2. **Chi về tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ nên thêm cụm từ “Chi xét duyệt đề cương nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở”**. Vì nếu không có cụm từ này thì Hội đồng xét duyệt thuyết minh (đề cương) nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở tại cơ quan được giao chủ trì thực hiện không có cơ sở để chi thù lao.

Kính gửi ý kiến để Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên (VBĐT);
- Lưu: VT, KHCN&HTĐN.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Chu Đình Lộc

Số: 5109 /STC-TCHCSN

Khánh Hòa, ngày 10 tháng 11 năm 2023

V/v góp ý dự thảo Nghị quyết quy định một số nội dung, định mức xây dựng dự toán, mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ

Sở Tài chính nhận được Công văn số 1952/SKHCN-QLKH ngày 25/10/2023 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc góp ý dự thảo Nghị quyết quy định một số nội dung, định mức xây dựng dự toán, mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. Sau khi nghiên cứu, Sở Tài chính có ý kiến như sau:

1. Về chủ trương xây dựng Nghị quyết:

Tại Công văn số 543/HĐND-VP ngày 18/10/2023, Thường trực HĐND tỉnh thông nhất đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định một số nội dung, định mức xây dựng dự toán, mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

2. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết:

Căn cứ khoản 1 Điều 2 Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10/01/2023 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ: “*Các định mức lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước quy định tại Thông tư này là định mức tối đa áp dụng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước. Căn cứ quy định tại Thông tư này, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (sau đây gọi là các bộ, cơ quan trung ương) và các địa phương căn cứ tình hình thực tế và khả năng ngân sách được giao để phê duyệt định mức lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý để thực hiện thống nhất trong phạm vi bộ, cơ quan trung ương và địa phương, đảm bảo phù hợp với đặc thù hoạt động khoa học và công nghệ của bộ, cơ quan trung ương, địa phương và khả năng cân đối ngân sách được giao, nhưng tối đa không vượt quá định mức quy định tại Thông tư này.*”

Trong trường hợp cần thiết, căn cứ khả năng cân đối ngân sách và điều kiện cụ thể của từng địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định bổ sung một số nội dung và mức chi ngoài các nội dung, định mức chi quy định tại Thông tư này để thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của địa phương đảm bảo hiệu quả, phù hợp với thực tế và theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn”.

Sở Tài chính thống nhất sự cần thiết ban hành Nghị quyết quy định một số nội dung, định mức xây dựng dự toán, mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

3. Về dự thảo Nghị quyết:

- Tại điểm a, khoản 1 Điều 5 dự thảo Nghị quyết, về dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ soạn thảo: “Tiền thù lao cho các chức danh hoặc nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tính theo số tháng quy đổi tham gia thực hiện nhiệm vụ. Trong đó, định mức chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định cụ thể như sau:

- Chủ nhiệm nhiệm vụ ...;

- Đối với các chức danh hoặc nhóm chức danh khác ...”

Nội dung này không chỉ quy định riêng định mức chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ mà còn bao gồm các chức danh hoặc nhóm chức danh khác; do đó, Sở Tài chính đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ thay thế cụm từ “đối với chức danh chủ nhiệm” thành cụm từ “*tham gia*”.

- Tại điểm c, khoản 1 Điều 5 dự thảo Nghị quyết, về tiền công lao động phổ thông, đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ điều chỉnh, bổ sung thành: “Tiền công lao động phổ thông hỗ trợ các công việc trong nội dung nghiên cứu (nếu có)”.

- Về mức chi: Sở Tài chính thống nhất với mức chi cụ thể do Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng.

4. Về nguồn lực đảm bảo thi hành Nghị quyết:

Theo Phụ lục thuyết minh đính kèm Công văn số 1952/SKH-CN-QLKH, Sở Khoa học và Công nghệ dự kiến kinh phí tăng thêm năm 2024 khi thực hiện Nghị quyết là 597 triệu đồng.

Về nguồn kinh phí thực hiện: Đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa đảm bảo trong phạm vi dự toán sự nghiệp khoa học và công nghệ được giao hàng năm.

Sở Tài chính gửi ý kiến đến Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên (VBĐT);
- Lưu: VT, TCHCSN (Giao).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Phi Vũ

Số: 198 /BC-SKHCN

Khánh Hòa, ngày 03 tháng 11 năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2018 của HĐND tỉnh Quy định mức hỗ trợ nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở; nội dung và định mức kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Khánh Hòa

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Sau khi Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2018 về Quy định mức hỗ trợ nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở; nội dung và định mức kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Khánh Hòa (viết tắt: Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND), Sở Khoa học và Công nghệ (Sở KH&CN) đã áp dụng trong công tác quản lý nhiệm vụ KH&CN, việc đổi mới cơ chế khoán chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã tạo điều kiện thuận lợi, thông thoáng cho các nhà khoa học, tổ chức khoa học (khoán công, kiểm soát chi, tạm ứng và thanh toán tạm ứng, kiểm tra, thanh quyết toán), đơn giản hóa thủ tục trong thanh quyết toán kinh phí nghiên cứu khoa học, việc tạm ứng kinh phí được duyệt trong tổng số các nội dung chi được thực hiện theo tiến độ hợp đồng được giao khoán.

Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ban hành đã tạo điều kiện thuận lợi hơn về công tác tài chính cho các sở ban ngành, đơn vị, địa phương trong tỉnh triển khai ứng dụng công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật, kết quả các đề tài dự án cấp tỉnh vào thực tiễn quản lý, sản xuất và đời sống, bước đầu góp phần đem lại hiệu quả kinh tế xã hội cho địa phương, đơn vị, sở, ban, ngành.

1. Kết quả thực hiện Nghị quyết.

1.1. Tình hình chung về phân bổ, sử dụng ngân sách nhà nước chi cho nhiệm vụ KH&CN.

Trong giai đoạn 2019-2023, trên cơ sở kinh phí sự nghiệp khoa học được Trung ương thông báo; tình cân đối giao kinh phí sự nghiệp khoa học bằng hoặc cao hơn số kinh phí trung ương thông báo. Sở KH&CN phối hợp với Sở Tài chính thẩm định và phân rã cho từng hạng mục: nhiệm vụ KH&CN chuyển tiếp, nhiệm vụ KH&CN mới phê duyệt trong năm kế hoạch. Các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, sau khi được Hội đồng KH&CN tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì thông qua, đề cương nhiệm vụ đã được chỉnh sửa theo kết luận của Hội đồng, dự toán kinh phí thực hiện sẽ được thẩm định bởi Tổ thẩm định kinh phí. Tổ thẩm định kinh phí xác định dự toán kinh phí của nhiệm vụ KH&CN trên cơ sở quy định chế độ, định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi tiêu hiện

hành của nhà nước do các cơ quan có thẩm quyền ban hành. Tổng mức kinh phí sau khi được Tổ thẩm định kinh phí xác định, sẽ bao gồm kinh phí cấp từ ngân sách nhà nước và các nguồn khác (nếu có), theo phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán chi từng phần. Trên cơ sở thuyết minh đã chỉnh sửa hoàn chỉnh theo ý kiến của Tổ thẩm định kinh phí. Sở KH&CN hoàn chỉnh hồ sơ trình UBND tỉnh phê duyệt hoặc Giám đốc Sở KH&CN phê duyệt theo phân cấp. Sở KH&CN tiến hành ký hợp đồng cấp kinh phí thực hiện.

- Tình hình cấp, sử dụng, quản lý kinh phí sự nghiệp KH&CN:

Công tác phân bổ, giao dự toán chi thường xuyên cho các đơn vị sử dụng ngân sách phải đảm bảo khớp đúng dự toán được Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính giao, Hội đồng nhân dân quyết định, Ủy ban nhân dân giao cả về tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực chi; bảo đảm về thời gian theo quy định, đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, đảm bảo bố trí đủ kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ đã ban hành, những nhiệm vụ quan trọng theo quy định của pháp luật, những nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền quyết định. Đối với sự nghiệp KH&CN: phân bổ, giao dự toán chi ngân sách cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc, chính quyền cấp dưới không thấp hơn mức dự toán Thủ tướng Chính phủ đã giao, trong đó:

+ Kinh phí hỗ trợ chi thường xuyên của tổ chức KH&CN công lập thực hiện việc phân bổ và giao dự toán theo quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

+ Đối với kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN và các nhiệm vụ không thường xuyên: Ưu tiên bố trí kinh phí cho các nhiệm vụ kết thúc trong năm, nhiệm vụ chuyển tiếp, đảm bảo phù hợp với tiến độ, khả năng giải ngân kinh phí, phần kinh phí còn lại mới phân bổ cho các nhiệm vụ mới, đã có quyết định phê duyệt nhiệm vụ của cấp có thẩm quyền.

Cụ thể số liệu phân bổ kế hoạch hàng năm như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng(trđ)

Nội dung	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Hoạt động đơn vị Sự nghiệp thuộc Sở	1.975	2.299	2.323	2.316	2.955
Hoạt động nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, KH&CN phục vụ quản lý nhà nước	28.012	26.154	23.156	23.439	23.437
Hoạt động nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở, hoạt động khoa học khác	3.311	2.269	2.150	1.765	1.265
Tổng	33.298	30.722	27.629	27.527	27.657

- Số lượng các nhiệm vụ KH&CN phê duyệt giai đoạn 2019 – 2023:

	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Tổng cộng
Số nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh phê duyệt mới trong năm	12	10	12	7	6	47
Số nhiệm vụ Kh&CN cấp cơ sở được phê duyệt mới trong năm	9	10	13	7	4	43

1.2 Tình hình phân bổ, nghiệm thu, thanh quyết toán các đề tài, dự án KH&CN giai đoạn 2020-2022.

- Giai đoạn năm 2020-2022, trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa thực hiện theo dõi và quản lý 87 đề tài, dự án KH&CN; trong đó: 41 đề tài, dự án chuyển tiếp qua các năm; 46 đề tài, dự án triển khai mới, với tổng số kinh phí được bố trí 39.094,00 trđ; cụ thể:

+ Năm 2020: Thực hiện theo dõi quản lý 59 đề tài, nhiệm vụ KH&CN; trong đó: 41 đề tài, dự án chuyển tiếp từ năm trước sang năm 2020; 18 đề tài, dự án triển khai mới năm 2020. Tổng kinh phí được bố trí giao trong 2020 13.764trđ, số dư chuyển từ năm 2019 sang 8.777,76trđ, thực hiện trong năm 2020 là: 10.725,53trđ và chuyển tiếp 6.929,15trđ.

+ Năm 2021: Thực hiện theo dõi quản lý 59 đề tài, nhiệm vụ KH&CN; trong đó: 43 đề tài, dự án chuyển tiếp từ năm trước sang năm 2021; 16 đề tài, dự án triển khai mới năm 2021. Tổng kinh phí được bố trí giao trong 2021 10.000trđ, số dư chuyển từ năm 2020 sang 6.929.15trđ, thực hiện trong năm 2021 11.538,33trđ và chuyển tiếp 4.467,63trđ.

+ Năm 2022: Thực hiện theo dõi quản lý 64 đề tài, nhiệm vụ KH&CN; trong đó: 52 đề tài, dự án chuyển tiếp từ năm trước sang năm 2022; 12 đề tài, dự án triển khai mới năm 2022. Tổng kinh phí được bố trí giao trong 2022 15.330trđ, số dư chuyển từ năm 2021 sang 4.467,63trđ, thực hiện trong năm 2022 12.396,213trđ và chuyển tiếp 5.525,423trđ.

- Công tác nghiệm thu, thanh quyết toán các đề tài, nhiệm vụ KH&CN:

Trong giai đoạn 2020-2022 đã thực hiện nghiệm thu, thanh quyết toán 35 đề tài, dự án KH&CN; với tổng số kinh phí đã thanh toán 34.660,07 trđ; cụ thể: Năm 2020 thực hiện nghiệm thu, thanh toán 16 đề tài, tổng số kinh phí đã thanh toán 10.725.52trđ; Năm 2021 thực hiện nghiệm thu, thanh toán 07 đề tài, tổng

số kinh phí đã thanh toán 11.538.33trđ; Năm 2022 thực hiện nghiệm thu, thanh toán 12 đề tài, tổng số kinh phí đã thanh toán 12.396.21trđ. Dự toán hủy 7.682,27trđ; kinh phí chuyển nguồn sang năm sau tiếp tục thực hiện 16,922,21trđ.

1.3. Công tác công bố và ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

- Việc công bố kết quả các nhiệm vụ KH&CN giai đoạn 2020-2022: trong giai đoạn 03 năm (2020-2022), trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa đã thực hiện tổ chức đánh giá nghiệm thu 35 đề tài/dự án, 100% các kết quả nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh sau nghiệm thu đều có công bố kết quả trên bản tin KH&CN tỉnh. Đồng thời giao cho Trung tâm Thông tin và Ứng dụng KH&CN tổ chức các hội thảo, các lớp tập huấn để công bố, tuyên truyền phổ biến các kết quả nhiệm vụ KH&CN và tiến bộ khoa học kỹ thuật đến các địa phương trên địa bàn toàn tỉnh.

- Một số kết quả nhiệm vụ đã đưa vào ứng dụng và có tính lan tỏa rộng thể hiện tính hiệu quả, tác động tích cực lâu dài thông qua việc góp phần làm biến đổi cơ cấu của ngành, đối tượng sản xuất chủ lực của địa phương; hình thành ngành, nghề sản xuất, nuôi mới tại địa phương (đối với một số nhiệm vụ thuộc lĩnh vực Khoa học Nông nghiệp); góp phần tạo nên sản phẩm mới và đưa vào sản xuất đại trà quy mô lớn theo quy trình công nghệ được nghiên cứu, chuyển giao giúp tăng năng suất và lợi nhuận cho Doanh nghiệp (đối với các nhiệm vụ do doanh nghiệp chủ trì); hoặc trực tiếp nâng cao sức khỏe và chất lượng khám chữa bệnh của các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh (đối với các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực Khoa học Y dược).

- Thông qua hoạt động theo dõi, đánh giá hiệu quả ứng dụng kết quả nhiệm vụ KH&CN, làm cơ sở báo cáo đánh giá hiệu quả đầu tư cho hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh; Đánh giá hiệu quả trong công tác quản lý nhiệm vụ KH&CN từ khâu hướng dẫn xây dựng đề xuất đặt hàng, tuyển chọn xét duyệt, thẩm định kinh phí, nghiệm thu... đặc biệt là cơ sở quan trọng để lựa chọn tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ tham gia triển khai nhiệm vụ KH&CN, công tác phối hợp triển khai ứng dụng kết quả sau nghiệm thu. Giúp kịp thời điều chỉnh, thay đổi đảm bảo sự phù hợp của cơ chế, chính sách trong hoạt động KH&CN hiện nay. Đồng thời phát huy hiệu quả nhiệm vụ KH&CN có tính ứng dụng cao phục vụ phát triển phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

2. Một số khó khăn trong việc thực hiện Nghị quyết.

- Việc tính tiền công trực tiếp căn cứ vào số ngày công quy đổi được một số cơ quan, đơn vị hiểu theo nghĩa công lao động thuần túy nên bị giới hạn ở mức trần 200 giờ/năm bởi Bộ Luật lao động, khiến kinh phí chi công lao động bị khống chế ở mức thấp, không khuyến khích được các nhà khoa học tham gia nghiên cứu.

- Việc xác định số ngày công lao động cho từng nội dung nghiên cứu đối với từng chức danh nghiên cứu còn gặp nhiều khó khăn, thuyết minh tiền công còn dài, phức tạp, định mức ngày công còn thấp.

- Quy định dự toán tiền công trực tiếp đối với chức danh kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ không quá 20% tổng dự toán tiền công trực tiếp cho chủ nhiệm, thành viên chính và các thành viên thực hiện nhiệm vụ là chưa phù hợp với các đề tài nghiên cứu thuộc lĩnh vực nông, lâm nghiệp do lĩnh vực này đòi hỏi sự tham gia nhiều của kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ, lao động phổ thông; cần quy định thêm định mức trong trường hợp thuê lao động phổ thông và kết cấu trong mục chi khác.

- Một số nội dung chi thường phát sinh trong thực tiễn triển khai và quản lý nhiệm vụ nhưng chưa có định mức, các định mức chi xây dựng từ năm 2018 nay đã không còn phù hợp và cần điều chỉnh.

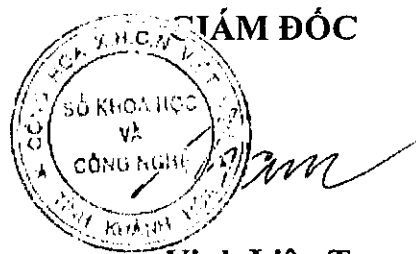
3. Kiến nghị, đề xuất.

Căn cứ khoản 1 Điều 11 Thông tư số 03/2023/TT-BTC quy định: “*Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục áp dụng theo các quy định tại thời điểm phê duyệt nhiệm vụ cho đến khi kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ*”, như vậy các nhiệm vụ KH&CN được phê duyệt sau ngày Thông tư số 03/2023/TT-BTC có hiệu lực (ngày 26/02/2023) thì được phải áp dụng theo Thông tư này. Do đó, Sở Khoa học và Công nghệ kiến nghị UBND tỉnh sớm trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định một số nội dung, định mức xây dựng dự toán, mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa để thay thế cho Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND, làm căn cứ để Sở KH&CN thực hiện các hoạt động tham mưu và trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt danh mục nhiệm vụ KH&CN năm 2024.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2018 của HĐND tỉnh Quy định mức hỗ trợ nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở; nội dung và định mức kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Khánh Hòa./.

Nơi nhận:

- Như trên (VBĐT);
- Lưu: VT, VP.



Lê Vinh Liên Trang

	Thuê chuyên gia trong nước	Không quá 30trđ/người/tháng			TT 02/2015/TT-BLĐTBXH (không quá 30% tổng dự toán chi tiền thù lao thực hiện nhiệm vụ KH&CN)								
	Thuê chuyên gia nước ngoài	Điểm b khoản 2 điều 7 TTLT 55/2015			không quá 50% tổng dự toán chi tiền thù lao thực hiện nhiệm vụ KH&CN								
3	Chi mua vật tư, nguyên nhiên vật liệu; chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định				Xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có)								
4	Hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học												
	Chủ trì	900	900	450	2.000	1.600	800	700	350	78%	78%	16.000	8.000
	Thư ký	400	400	200	500	400	200	0	0	0%	0%	4.000	2.000
	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo	500	500	250	3.000	2.400	1.200	1.900	950	380%	380%	24.000	12.000

	được đặt hàng ko trình bày	500	500	250	1.500	1.200	600	700	350	140%	140%	12.000	6.000
	Thành viên tham gia hội thảo	150	150	80	300	240	120	90	40	60%	50%	2.400	1.200
5	Điều tra khảo sát thu thập số liệu												
	<i>Thực hiện theo quy định tại Thông tư 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 và Thông tư 37/2022/TT-BTC ngày 22/6/2022</i>												
6	Họp Hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ cấp tỉnh												
6.1	Chi họp Hội đồng												
	<i>Chủ tịch</i>	600	600			720		120		20%		7.200	
	<i>Phó Chủ tịch, thành viên</i>	300	300			600		300		100%		6.000	
	<i>Thư ký khoa học</i>	0	0			120		120		120%		1.200	
	<i>Thư ký hành chính</i>	120	120			120		0		0%		1.200	
	<i>Đại biểu</i>	100	100			80		-20		-20%		800	
6.2	Chi nhận xét, đánh giá												
	<i>Nhận xét đánh giá của ủy viên HĐ(CT, Phó CT. ủy viên)</i>	250	250			280		30		12%		2.800	
	<i>Nhận xét đánh giá của Ủy viên phân biện</i>	350	350			400		50		14%		4.000	

7	Quản lý chung nhiệm vụ KHCN				bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHCN có sử dụng ngân sách nhà nước, tối đa không quá 300 triệu đồng/nv									
8	Chi cho công tác quản lý nhiệm vụ KHCN													
8.1	<i>Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ</i>													
8.1.1	Chi hợp HĐ													
	<i>Chủ tịch HĐ</i>	600	600	300	1.500	1.200	600	600	300	100%	100%	12.000	6.000	
	<i>Phó CTHĐ; thành viên</i>	500	500	250	1.000	800	400	300	150	60%	60%	8.000	4.000	
	<i>Thư ký khoa học</i>				300	240	120	240	120	240%	120%	2.400	1.200	
	<i>Thư ký hành chính</i>	200	200	150	300	240	150	40	0	20%	0%	2.400	1.500	
	<i>Đại biểu</i>	150	150	80	200	160	80	10	0	7%	0%	1.600	800	
8.1.2	Chi nhận xét đánh giá													
	<i>Nhận xét đánh giá của ủy viên HĐ(CT, Phó CT, ủy viên)</i>	250	250	150	500	400	200	150	50	60%	33%	4.000	2.000	
	<i>Nhận xét đánh giá của Ủy viên phân biện</i>	400	400	200	700	560	280	160	80	40%	40%	5.600	2.800	

8.1.3	Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với nhiệm vụ đề xuất thực hiện													
	<i>Chủ tịch HĐ</i>		0	0	700	560	280	560	280			5.600	2.800	
	<i>Phó CTHĐ; thành viên</i>		0	0	500	400	200	400	200			4.000	2.000	
8.2	<i>Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh; xét duyệt đề cương nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở</i>													
82.1	Chi hợp HĐ													
	<i>Chủ tịch HĐ</i>	900	900	450	1.800	1.440	720	540	270	60%	60%	14.400	7.200	
	<i>Phó CTHĐ; thành viên</i>	600	600	300	1.500	1.200	600	600	300	100%	100%	12.000	6.000	
	<i>Thư ký khoa học</i>	0	0	0	300	240	120	240	120	240%	120%	2.400	1.200	
	<i>Thư ký hành chính</i>	200	200	150	300	240	150	40	0	20%	0%	2.400	1.500	
	<i>Đại biểu</i>	150	150	80	200	160	80	10	0	7%	0%	1.600	800	
8.2.2	Chi nhận xét đánh giá													
	<i>Nhận xét đánh giá của ủy viên HĐ (CT, Phó CT, ủy viên)</i>	400	400	200	700	560	280	160	80	40%	40%	5.600	2.800	
	<i>Nhận xét đánh giá của Ủy viên phân biện</i>	550	550	300	1.000	800	400	250	100	45%	33%	8.000	4.000	

8.7	<i>Thuê chuyên gia tư vấn độc lập thực hiện theo Khoản 2, Điều 9, TTLT 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN</i>				tối đa bằng 5 lần mức chi thù lao (gồm tiền hợp HĐ của Chủ tịch HĐ và chi nhận xét đánh giá của UVPB trong Hội đồng) của HĐ tương ứng	ko quá 5 lần mức chi thù lao (gồm tiền hợp HĐ của Chủ tịch HĐ và chi nhận xét đánh giá của UVPB trong Hội đồng) của HĐ tương ứng							
8.8	<i>Chi thông báo tuyển chọn trên các phương tiện truyền thông</i>												
8.9	<i>Chi công tác kiểm tra, đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KHCN; kiểm tra đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu</i>												
	Công tác phí cho đoàn kiểm tra				TT40/2017/T T-BTC ngày 28/4/2017	Thực hiện theo NQ 15							

	Tiền công cho HĐ đánh giá nhiệm vụ KHCN (trong trường hợp cần thiết)				tối đa bằng 50% mức chi của HĐ tư vấn đánh giá nghiệm thu	tối đa bằng 50% mức chi của HĐ tư vấn đánh giá nghiệm thu							
					thực hiện theo quy định đối với dự toán chi hội nghị, hội thảo KH, diễn đàn, tọa đàm khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu	thực hiện theo quy định đối với dự toán chi hội nghị, hội thảo KH, diễn đàn, tọa đàm khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu cấp tỉnh							
8.11	<i>Chi cuộc họp định kỳ và đột xuất của Ban Chủ nhiệm Chương trình</i>				áp dụng mức chi cho HĐ tuyển chọn/giao trực tiếp								

8.12	<i>Các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý nhiệm vụ KHCN</i>				xây dựng trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật								
	TỔNG CỘNG											5.546.500	1.483.200

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỐ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	SỐ: 03/2023/TĐ-BTC
ĐẾN	Số: 575
	Ngày: 30/01/2023
Chuyên:	Quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ
Số và ký hiệu HS:	

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2023

THÔNG TƯ

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;
Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ;
Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;
Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;
Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính Hành chính sự nghiệp;
Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định tại Điều 25, 26, 27 và 28 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ.

Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc nội dung triển khai của các chương trình khoa học và công nghệ theo các Quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ trong từng giai đoạn được áp dụng quy định tại Thông tư này và các quy định tài chính đặc thù (nếu có).

Các nguồn vốn khác ngoài ngân sách nhà nước huy động để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện theo các định mức chi quy định hiện hành đối với các nguồn vốn đó; khuyến khích các đơn vị thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

2. Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ và cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước; các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng định mức lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Các định mức lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước quy định tại Thông tư này là định mức tối đa áp dụng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước. Căn cứ quy định tại Thông tư này, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (sau đây gọi là các bộ, cơ quan trung ương) và các địa phương căn cứ tình hình thực tế và khả năng ngân sách được giao để phê duyệt định mức lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý để thực hiện thống nhất trong phạm vi bộ, cơ quan trung ương và địa phương, đảm bảo phù hợp với đặc thù hoạt động khoa học và công nghệ của bộ, cơ quan trung ương, địa phương và khả năng cân đối ngân sách được giao, nhưng tối đa không vượt quá định mức quy định tại Thông tư này.

Trong trường hợp cần thiết, căn cứ khả năng cân đối ngân sách và điều kiện cụ thể của từng địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định bổ sung một số nội dung và mức chi ngoài các nội dung, định mức chi quy định tại Thông tư này để thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của địa phương đảm bảo hiệu quả, phù hợp với thực tế và theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

2. Các định mức chi khác làm căn cứ để xây dựng dự toán của nhiệm vụ khoa học và công nghệ không quy định cụ thể tại Thông tư này được thực hiện theo các quy định hiện hành của nhà nước.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ ĐỊNH MỨC XÂY DỰNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 3. Các yếu tố đầu vào cấu thành dự toán ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Tiền thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ, gồm: tiền thù lao cho các thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; tiền công lao động phổ thông hỗ trợ các công việc trong nội dung nghiên cứu; tiền thuê chuyên gia trong nước và chuyên gia ngoài nước phối hợp trong quá trình nghiên cứu và thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Các chức danh tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; tiêu chí xác định chuyên gia trong nước và ngoài nước phối hợp trong quá trình nghiên cứu, thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Chi mua nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, mẫu vật, dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng, năng lượng, tài liệu, số liệu, sách, báo, tạp chí tham khảo, quyền sở hữu và sử dụng đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ phục vụ hoạt động nghiên cứu.

3. Chi sửa chữa, mua sắm, thuê tài sản (hoặc cơ sở vật chất, trang thiết bị) phục vụ trực tiếp cho hoạt động nghiên cứu khoa học của nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

4. Chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước, hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ hoạt động nghiên cứu.

5. Chi trả dịch vụ thuê ngoài phục vụ hoạt động nghiên cứu.

6. Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu.

7. Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in ấn phục vụ hoạt động nghiên cứu.

8. Chi tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có).

9. Chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm đảm bảo yêu cầu quản lý trong triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

10. Chi khác có liên quan trực tiếp đến triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Điều 4. Khung định mức làm căn cứ xây dựng dự toán ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Tiền thù lao cho các chức danh hoặc nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tính theo số tháng quy đổi tham gia thực hiện nhiệm vụ. Trong đó, định mức chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ tối đa không quá 40 triệu đồng/người/tháng; đối với các chức danh hoặc nhóm chức danh khác, mức chi thù lao tối đa không quá 0,8 lần mức chi của chủ nhiệm nhiệm vụ.

Căn cứ hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ về các chức danh hoặc nhóm chức danh tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và hệ số lao động khoa học của các chức danh hoặc nhóm chức danh, căn cứ theo tính chất và mức độ đóng góp, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ có trách nhiệm xây dựng thuyết minh dự toán tiền thù lao chi tiết theo các chức danh hoặc nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, số tháng tham gia của các chức danh hoặc nhóm chức danh.

Thời gian để xác định dự toán chi thù lao tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ là thời gian quy đổi theo tháng dự kiến của một chức danh hoặc một nhóm chức danh thực hiện các nội dung công việc nêu trong thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ, được Hội đồng khoa học xem xét và cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ quyết định. Trong trường hợp thời gian tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không đủ một tháng, dự toán chi thù lao được tính theo mức thù lao của số ngày tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ của chức danh hoặc nhóm chức danh tương ứng. Mức thù lao ngày được tính trên cơ sở mức thù lao của một tháng chia cho 22 ngày.

b) Tiền công thuê lao động phổ thông hỗ trợ các công việc trong nội dung nghiên cứu (nếu có): Dự toán chi tiền công thuê lao động phổ thông được tính theo mức tiền lương tối thiểu vùng cao nhất tính theo ngày do Nhà nước quy định tại

thời điểm xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (mức tiền công thuê theo ngày tính theo mức lương tháng chia cho 22 ngày);

c) Định mức chi thù lao, hệ số lao động khoa học và số tháng quy đổi cho các chức danh hoặc nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và chi tiền công thuê lao động phổ thông hỗ trợ các công việc trong nội dung nghiên cứu quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này là căn cứ để xây dựng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ. Trên cơ sở dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ được duyệt, đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quyết định mức thanh toán tiền thù lao của các nhóm chức danh tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ và tiền công thuê lao động phổ thông (nếu có) phù hợp với thực tế triển khai thực hiện nhiệm vụ.

2. Dự toán thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước phối hợp nghiên cứu

a) Thuê chuyên gia trong nước

Trong trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ có nhu cầu thuê chuyên gia trong nước, tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia để thuyết minh rõ cho hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nội dung công việc và dự toán thuê chuyên gia. Căn cứ lập dự toán chi thuê chuyên gia trong nước thực hiện theo mức lương quy định tại Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước.

Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước không quá 30% tổng dự toán kinh phí chi tiền thù lao thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này.

Trong trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ có tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước vượt quá 30% tổng dự toán kinh phí chi thù lao tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải giải trình cụ thể lý do để cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước xem xét, quyết định dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

b) Thuê chuyên gia ngoài nước

Trong trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ có nhu cầu thuê chuyên gia ngoài nước, tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thuyết minh rõ sự cần thiết, kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia cho hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo biên bản thương thảo nội dung yêu cầu công việc và mức thù lao chuyên gia giữa tổ chức đăng ký chủ trì và chuyên gia ngoài nước. Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia ngoài nước không quá 50% tổng dự toán kinh phí chi tiền thù lao thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này.

Trong trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ có tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia ngoài nước vượt quá 50% tổng dự toán

kinh phí chi thù lao tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải giải trình cụ thể lý do để cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước xem xét, quyết định dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

c) Việc xác định các trường hợp áp dụng dự toán thuê chuyên gia vượt mức quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều này thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Dự toán chi mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu; chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định được xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có). Việc mua sắm phải phù hợp với tiến độ của nhiệm vụ khoa học và công nghệ và trong phạm vi dự toán hàng năm. Trong đó:

a) Việc quản lý và sử dụng kinh phí mua sắm thực hiện theo quy định của pháp luật về mua sắm tài sản từ ngân sách nhà nước và pháp luật về đấu thầu; thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả;

b) Việc quản lý, thanh toán kinh phí thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa tài sản phục vụ nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công.

4. Dự toán chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước, hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ hoạt động nghiên cứu: Thực hiện theo các quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị; Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định chế độ chi tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiêu tiếp khách trong nước; Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức Nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí. Ngoài ra, Thông tư này quy định mức xây dựng dự toán chi thù lao tối đa tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học như sau:

a) Người chủ trì: 2.000.000 đồng/buổi hội thảo;

b) Thư ký hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học: 500.000 đồng/buổi;

c) Báo cáo viên trình bày tại hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học: 3.000.000 đồng/báo cáo;

d) Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đề nghị viết báo cáo nhưng không trình bày tại hội thảo: 1.500.000 đồng/báo cáo;

đ) Thành viên tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học: 300.000 đồng/thành viên/buổi.

5. Dự toán chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia và Thông tư số 37/2022/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 3 và Mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính.

6. Dự toán chi hợp tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có) được xây dựng trên cơ sở số lượng thành viên tham gia đánh giá với mức chi không quá 50% mức chi cho hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Thông tư này.

7. Dự toán chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước được dự toán các nội dung chi quản lý chung phục vụ nhiệm vụ khoa học và công nghệ để đảm bảo triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại tổ chức chủ trì. Dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 300 triệu đồng/nhiệm vụ.

8. Các khoản chi khác liên quan đến triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có): Thực hiện dự toán theo thuyết minh hoặc theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có), thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt.

Điều 5. Các nội dung chi cho công tác quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và các Hội đồng tư vấn khác được quy định tại Thông tư quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Khoa học và Công nghệ (nếu có):

- a) Chi tiền thù lao, công tác phí cho các thành viên Hội đồng;
- b) Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc phục vụ Hội đồng;
- c) Chi hậu cần phục vụ họp Hội đồng, thuê dịch vụ khoa học và công nghệ liên quan đến việc đánh giá của Hội đồng, thuê cơ sở vật chất phục vụ Hội đồng (nếu có).

2. Chi hoạt động của tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thành lập theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Chi thù lao, công tác phí của chuyên gia xử lý các vấn đề kỹ thuật hỗ trợ cho hoạt động của Hội đồng (nếu có).

4. Chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập (nếu có).

5. Chi thông báo tuyển chọn trên các phương tiện truyền thông.

6. Chi công tác kiểm tra, đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, bao gồm:

a) Chi công tác phí cho đoàn kiểm tra;

b) Chi họp hội đồng đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (trong trường hợp cần thiết cần có Hội đồng đánh giá).

7. Các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Điều 6. Một số định mức chi quản lý nhiệm vụ nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ

a) Chi tiền thù lao

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khung định mức chi tối đa
1	Chi tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ		
a	Chi họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Hội đồng	
	Chủ tịch hội đồng		1.500
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		1.000
	Thư ký khoa học		300
	Thư ký hành chính		300
	Đại biểu được mời tham dự		200
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		500
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		700
c	Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện	Nhiệm vụ	
	Chủ tịch hội đồng		700
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		500
2	Chi về tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ		
a	Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Hội đồng	
	Chủ tịch Hội đồng		1.800
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên Hội đồng		1.500
	Thư ký khoa học		300

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khung định mức chi tối đa
	Thư ký hành chính		300
	Đại biểu được mời tham dự		200
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		700
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		1.000
3	Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ		
a	Chi họp Hội đồng nghiệm thu	Nhiệm vụ	
	Chủ tịch hội đồng		1.800
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		1.500
	Thư ký khoa học		300
	Thư ký hành chính		300
	Đại biểu được mời tham dự		200
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		700
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		1.000
4	Chi thù lao chuyên gia xử lý các vấn đề kỹ thuật hỗ trợ cho hoạt động của Hội đồng.	Chuyên gia	1.500

b) Dự toán chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khác được quy định tại Thông tư quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Khoa học và Công nghệ (nếu có) được áp dụng tối đa bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

c) Các nội dung chi khác được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật (nếu có).

2. Chi hoạt động của tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Chi tiền thù lao:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Khung định mức chi tối đa
1	Tổ trưởng tổ thẩm định	Nhiệm vụ	1.000
2	Thành viên tổ thẩm định	Nhiệm vụ	700
3	Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	300
4	Đại biểu được mời tham dự	Nhiệm vụ	200

b) Chi hậu cần phục vụ hoạt động của tổ thẩm định được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật.

3. Định mức xây dựng dự toán chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập

a) Trong trường hợp cần thiết, cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ có thể thuê chuyên gia tư vấn, đánh giá độc lập. Tổng mức dự toán chi thuê chuyên gia độc lập được tính tối đa bằng 5 lần mức chi thù lao (gồm tiền hợp Hội đồng của Chủ tịch Hội đồng và chi nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng) của Hội đồng tương ứng và do cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ quyết định và chịu trách nhiệm;

b) Các trường hợp cần thiết phải thuê chuyên gia tư vấn độc lập thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

4. Chi thông báo tuyển chọn trên các phương tiện truyền thông (báo giấy, báo hình, báo điện tử và các phương tiện truyền thông khác): Thực hiện theo quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có), thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

5. Dự toán chi công tác kiểm tra, đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

a) Dự toán chi công tác phí cho đoàn kiểm tra đánh giá được xây dựng theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;

b) Dự toán chi tiền công cho Hội đồng đánh giá nhiệm vụ khoa học và công nghệ (trong trường hợp cần thiết có Hội đồng đánh giá) được áp dụng tối đa bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

6. Chi hội nghị, hội thảo khoa học phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ, chương trình khoa học và công nghệ (nếu có) thực hiện theo quy định đối với dự toán chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu quy định tại khoản 4 Điều 4 Thông tư này.

7. Đối với các Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia có thành lập các Ban Chủ nhiệm chương trình theo Quyết định của Bộ Khoa học và Công nghệ: Mức chi các cuộc họp định kỳ và đột xuất của Ban Chủ nhiệm áp dụng theo mức chi của Hội đồng tư vấn tuyển chọn hoặc giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này. Ban Chủ nhiệm chương trình hoạt động theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ. Mức chi cho các hoạt động của Ban Chủ nhiệm thực hiện theo quy định hiện hành.

8. Các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật.

Chương III

LẬP DỰ TOÁN, QUẢN LÝ SỬ DỤNG VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Việc lập dự toán ngân sách nhà nước, chấp hành ngân sách nhà nước và quyết toán ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về khoa học và công nghệ và các quy định hiện hành. Thông tư này quy định một số nội dung cụ thể như sau:

Điều 7. Lập dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và các hoạt động phục vụ công tác quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ

1. Đối với dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Dự toán kinh phí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ được xây dựng, thuyết minh theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ và căn cứ vào các định mức kinh tế - kỹ thuật do các bộ, ngành chức năng ban hành (nếu có), định mức xây dựng dự toán quy định tại Thông tư này và các chế độ, chính sách hiện hành của nhà nước. Trường hợp không có định mức kinh tế - kỹ thuật thì cần thuyết minh cụ thể chi tiết căn cứ lập dự toán.

b) Tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ có trách nhiệm xây dựng dự toán trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

c) Hàng năm, vào thời điểm lập dự toán ngân sách nhà nước, các tổ chức, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ căn cứ vào các nhiệm vụ được phê duyệt để lập dự toán kinh phí, tổng hợp chung vào dự toán chi sự nghiệp khoa học và công nghệ của các bộ, ngành, địa phương (theo phân cấp quản lý ngân sách) để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

2. Đối với dự toán kinh phí đối với các hoạt động phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Hàng năm, vào thời điểm xây dựng dự toán chi ngân sách nhà nước theo quy định, căn cứ vào kế hoạch hoạt động quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của năm kế hoạch và định mức chi quy định tại Thông tư này, các bộ, cơ quan trung ương xây dựng dự toán kinh phí đối với các hoạt động phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ và tổng hợp vào dự toán chi sự nghiệp khoa học và công nghệ của bộ, cơ quan trung ương; Sở Khoa học và Công nghệ hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ ở địa phương xây dựng dự toán kinh phí đối với các hoạt động phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ và tổng hợp vào dự toán chi sự nghiệp khoa học và công nghệ của địa phương, để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và khoa học và công nghệ.

Điều 8. Phân bổ dự toán, quản lý sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ chịu trách nhiệm tổ chức việc thẩm định dự toán kinh phí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo đúng chế độ quy định.

2. Căn cứ vào dự toán chi sự nghiệp khoa học và công nghệ được cơ quan có thẩm quyền giao, các bộ, ngành, địa phương phân bổ dự toán cho các đơn vị trực

thuộc quản lý kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về khoa học và công nghệ.

Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước có huy động các nguồn tài chính khác ngoài ngân sách để thực hiện, việc phân bổ nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ căn cứ theo cơ cấu tỷ lệ với các nguồn kinh phí huy động khác ngoài ngân sách theo nhiệm vụ được phê duyệt và khả năng cân đối của ngân sách nhà nước hàng năm.

3. Các đơn vị, tổ chức được giao kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm quản lý và sử dụng kinh phí được giao theo đúng quy định của pháp luật.

4. Việc chuyển nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước trong thời gian thực hiện nhiệm vụ được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

Điều 9. Quyết toán kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Việc quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước được thực hiện theo các quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán, Luật Khoa học và công nghệ và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ quy định tại Thông tư này và các quy định hiện hành của pháp luật, Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm phê duyệt danh mục và kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia; các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm phê duyệt danh mục và kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành và địa phương theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đảm bảo đúng mục đích, đúng quy định về tiêu chuẩn, định mức, chế độ chi tiêu hiện hành và chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

3. Đối với nội dung chi công bố kết quả nghiên cứu (đã được công bố) và chi đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với sáng chế và giống cây trồng (đã được cấp bằng) được thanh toán trực tiếp tại Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia ban hành kèm theo Nghị định số 23/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia và Nghị định số 19/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia ban hành kèm theo Nghị định số 23/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ.

Điều 11. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục áp dụng theo các quy định tại thời điểm phê duyệt nhiệm vụ cho đến khi kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ.

2. Trong thời gian Bộ Khoa học và Công nghệ chưa ban hành hướng dẫn về chức danh hoặc nhóm chức danh thực hiện các nội dung công việc của nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước, các cơ quan, đơn vị tiếp tục áp dụng quy định về các chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại Bảng 1 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước (sau đây gọi là Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN).

Điều 12. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 2 năm 2023.

2. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

3. Các nội dung sau đây hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành:

a) Điều 1; Điều 2; Điều 3; Điều 4; Điều 6; điểm b khoản 1 Điều 7 (đối với nội dung quy định về tiền công trực tiếp cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tính theo ngày công lao động quy đổi); khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7, khoản 8 và khoản 9 Điều 7; Điều 8; Điều 9; Điều 10; Điều 11; Điều 12; Điều 13; Điều 14; Điều 15; Điều 16 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN;

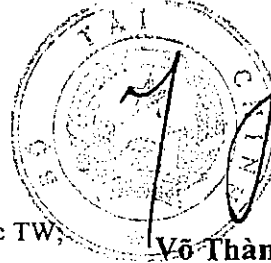
b) Khoản 3 Điều 14 Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính quy định khoản chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Tài chính để kịp thời giải quyết. /.

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện KSND tối cao, Tòa án nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UBND, Sở Tài chính, Sở KH&CN các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cơ quan Trung ương các Hội, Đoàn thể;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Công báo Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, HCSN (480 bản)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Võ Thành Hưng

Số: 02/2023/TT-BKHCHN

Hà Nội, ngày 08 tháng 5 năm 2023

THÔNG TƯ

Hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (sau đây viết tắt là nhiệm vụ) có sử dụng ngân sách nhà nước bao gồm nhiệm vụ cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh và cấp cơ sở quy định tại Điều 25, 26, 27 và 28 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ.

Nhiệm vụ sử dụng ngân sách nhà nước thuộc nội dung triển khai của các chương trình khoa học và công nghệ theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền trong từng giai đoạn áp dụng quy định tại Thông tư này và các quy định đặc thù (nếu có).

Nhiệm vụ sử dụng nguồn vốn khác được khuyến khích áp dụng quy định của Thông tư này.

2. Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhiệm vụ; cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ có sử dụng ngân sách nhà nước; các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ có sử dụng ngân sách nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. *Nội dung nghiên cứu* trong nhiệm vụ là nội dung cần thực hiện, được trình bày trong thuyết minh nhiệm vụ để đạt được mục tiêu và sản phẩm của nhiệm vụ theo đặt hàng. Nội dung nghiên cứu bao gồm một hoặc nhiều công việc cần thực hiện.

2. *Chức danh thực hiện nhiệm vụ* là người trực tiếp thực hiện các nội dung nghiên cứu trong nhiệm vụ bao gồm: chủ nhiệm nhiệm vụ; thư ký khoa học; thành viên chính; thành viên; kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ.

3. *Nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ* (sau đây viết tắt là nhóm chức danh) là tập hợp các cá nhân có cùng chức danh theo quy định tại khoản 2 Điều này để thực hiện nội dung nghiên cứu trong nhiệm vụ.

4. *Chuyên gia trong nước, chuyên gia ngoài nước phối hợp nghiên cứu, thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ* là người có trình độ từ đại học trở lên, có tối thiểu 5 năm kinh nghiệm nghiên cứu hoặc làm việc trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với công việc cần thực hiện trong nhiệm vụ.

5. *Chuyên gia tư vấn độc lập* là người có trình độ từ đại học trở lên, có năng lực và tối thiểu 5 năm kinh nghiệm nghiên cứu hoặc làm việc trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với công việc cơ quan quản lý nhiệm vụ yêu cầu thực hiện. Đối với nhiệm vụ cấp quốc gia, chuyên gia tư vấn độc lập phải thuộc cơ sở dữ liệu chuyên gia khoa học và công nghệ do Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý.

6. *Tổ chức tư vấn độc lập* là đơn vị có chức năng chuyên môn phù hợp được cơ quan quản lý nhiệm vụ thuê để đánh giá, kiểm tra chất lượng sản phẩm đối với các nhiệm vụ có sản phẩm trung gian hoặc sản phẩm là các mô hình, thiết bị cụ thể, sản phẩm cần đo kiểm.

7. *Phê duyệt nhiệm vụ* quy định tại Điều 9 Thông tư này và khoản 1 Điều 11 Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (sau đây viết tắt là Thông tư số

03/2023/TT-BTC) là việc cơ quan có thẩm quyền quyết định phê duyệt danh mục nhiệm vụ để đưa ra tuyển chọn hoặc giao trực tiếp.

CHƯƠNG II

HƯỚNG DẪN MỘT SỐ NỘI DUNG CHUYÊN MÔN PHỤC VỤ CÔNG TÁC XÂY DỰNG DỰ TOÁN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CÓ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 3. Chức danh thực hiện nhiệm vụ

1. Chủ nhiệm nhiệm vụ

a) Chủ nhiệm nhiệm vụ là người chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý nhiệm vụ trong việc: xây dựng thuyết minh nhiệm vụ; quản lý chung, phân công, điều phối việc thực hiện toàn bộ nội dung nghiên cứu trong nhiệm vụ; đánh giá kết quả thực hiện các nội dung nghiên cứu của nhiệm vụ; xây dựng báo cáo theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhiệm vụ, báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ.

b) Chủ nhiệm nhiệm vụ phải đáp ứng các điều kiện đăng ký làm chủ nhiệm nhiệm vụ có sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành.

c) Mỗi nhiệm vụ chỉ có một chủ nhiệm nhiệm vụ.

2. Thư ký khoa học

a) Thư ký khoa học là người hỗ trợ chủ nhiệm nhiệm vụ quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bao gồm việc: hỗ trợ theo dõi đôn đốc tiến độ triển khai nhiệm vụ; hỗ trợ xây dựng các báo cáo theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhiệm vụ, báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ; hỗ trợ công tác thanh quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ và các công việc hỗ trợ khác theo phân công của chủ nhiệm nhiệm vụ.

b) Mỗi nhiệm vụ chỉ có một thư ký khoa học.

3. Thành viên chính

a) Thành viên chính là cá nhân được chủ nhiệm nhiệm vụ phân công chịu trách nhiệm thực hiện đối với từng nội dung nghiên cứu của nhiệm vụ.

b) Trong một nhiệm vụ có nhiều nội dung nghiên cứu. Mỗi nội dung được chủ trì thực hiện bởi tối đa một thành viên chính.

4. Thành viên

Thành viên thực hiện nhiệm vụ là cá nhân được chủ nhiệm nhiệm vụ phân công tham gia thực hiện các công việc cụ thể trong nội dung nghiên cứu của nhiệm vụ.

5. Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ (không bao gồm lao động phổ thông)

Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ là người được chủ nhiệm nhiệm vụ bố trí thực hiện các thao tác kỹ thuật hoặc hoạt động hỗ trợ nghiên cứu để phục vụ thực hiện các công việc cụ thể trong nội dung nghiên cứu theo thuyết minh nhiệm vụ.

6. Việc lập dự toán chi tiết thù lao cho các chức danh phải gắn với các nội dung nghiên cứu và các công việc cụ thể trong thuyết minh nhiệm vụ theo quy định hiện hành.

Điều 4. Hệ số lao động khoa học của các chức danh

1. Hệ số lao động khoa học của các chức danh như sau:

STT	Chức danh (CD)	Hệ số lao động khoa học (H_{CD})
1	Chủ nhiệm nhiệm vụ	1,0
2	Thư ký khoa học	0,3
3	Thành viên chính	0,8
4	Thành viên	0,4
5	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	0,2

2. Một cá nhân có thể tham gia nhiều nội dung, công việc nghiên cứu với các chức danh khác nhau. Thù lao của cá nhân trong nội dung, công việc nghiên cứu được tính theo hệ số lao động khoa học của chức danh tương ứng và thời gian cá nhân thực hiện nội dung, công việc nghiên cứu đó.

Điều 5. Dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ

1. Dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ được lập theo nội dung, công việc nghiên cứu và theo chức danh (đối với chủ nhiệm nhiệm vụ; thư ký khoa học) hoặc nhóm chức danh (đối với thành viên chính; thành viên; kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ).

2. Dự toán chi thù lao của chủ nhiệm nhiệm vụ để thực hiện các công việc quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Thông tư này được tính theo công thức sau:

$$TL_{CN} = 1,0 \times DM_{CN} \times 20\% \times T$$

Trong đó:

TL_{CN} : Thù lao của chủ nhiệm nhiệm vụ;

DM_{CN} : Định mức thù lao theo tháng của chủ nhiệm nhiệm vụ theo quy định của tại điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư số 03/2023/TT-BTC;

T: Tổng thời gian thực hiện nhiệm vụ (tháng).

3. Dự toán chi thù lao của thư ký khoa học để thực hiện các công việc quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 Thông tư này được tính theo công thức sau:

$$TL_{TK} = 0,3 \times DM_{CN} \times 20\% \times T$$

Trong đó:

TL_{TK} : Thù lao của thư ký khoa học;

DM_{CN} : Định mức thù lao theo tháng của chủ nhiệm nhiệm vụ theo quy định của tại điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư số 03/2023/TT-BTC;

T: Tổng thời gian thực hiện nhiệm vụ (tháng).

4. Dự toán chi thù lao của nhóm chức danh được tính theo công thức sau:

$$TL_{NCD} = H_{CD} \times DM_{CN} \times \sum t_{NCD}$$

Trong đó:

TL_{NCD} : Tổng thù lao của nhóm chức danh quy định tại khoản 1 Điều này;

H_{CD} : Hệ số lao động khoa học của chức danh quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này;

DM_{CN} : Định mức thù lao theo tháng của chủ nhiệm nhiệm vụ theo quy định của tại điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư số 03/2023/TT-BTC;

$\sum t_{NCD}$: Tổng số tháng quy đổi tham gia thực hiện nhiệm vụ của nhóm chức danh.

5. Dự toán chi thù lao của nhóm chức danh cho số ngày quy đổi không đủ tháng được tính theo công thức sau:

$$TL_{NCD} = H_{CD} \times DM_{CN} \times (\sum t_n / 22)$$

Trong đó:

TL_{NCD} : Tổng thù lao của nhóm chức danh quy định tại khoản 1 Điều này;

H_{CD} : Hệ số lao động khoa học của chức danh quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này;

DM_{CN} : Định mức thù lao theo tháng của chủ nhiệm nhiệm vụ theo quy định của tại điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư số 03/2023/TT-BTC;

$\sum t_n$: Tổng số ngày quy đổi không đủ tháng mà nhóm chức danh tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ ($t_n < 22$).

6. Việc lập dự toán chi thù lao cho các chức danh và nhóm chức danh thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Thông tư số 03/2023/TT-BTC.

Điều 6. Thuê lao động phổ thông phục vụ triển khai nhiệm vụ

1. Trong trường hợp cần thuê lao động phổ thông phục vụ triển khai nhiệm vụ, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ căn cứ nội dung yêu cầu công việc cần thuê lao động, thuyết minh kết quả dự kiến của việc thuê lao động và lập dự toán chi tiết trong thuyết minh nhiệm vụ.

2. Định mức thuê lao động phổ thông phục vụ triển khai nhiệm vụ thực hiện theo điểm b khoản 1 Điều 4 Thông tư số 03/2023/TT-BTC.

Điều 7. Thuê chuyên gia trong nước, chuyên gia ngoài nước phối hợp nghiên cứu, thực hiện nhiệm vụ

1. Các trường hợp được thuê chuyên gia phối hợp nghiên cứu, thực hiện nhiệm vụ:

a) Khi nhiệm vụ có các nội dung nghiên cứu cần chuyên gia phối hợp giải quyết;

b) Việc thuê chuyên gia được quy định tại các văn bản pháp luật hiện hành. Trong đó, một số trường hợp cụ thể được thuê chuyên gia như sau:

- Quy định tại điểm d khoản 2 Phần II Quyết định số 157/QĐ-TTg ngày 01 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2030;

- Quy định tại điểm a khoản 3 Phần II, điểm a khoản 4 Phần II Quyết định số 118/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2030;

- Quy định tại điểm b khoản 2 Phần III Quyết định số 130/QĐ-TTg ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2030;

- Quy định tại điểm b khoản 3 Điều 8, điểm b khoản 5 Điều 13, điểm a khoản 1 Điều 14, khoản 3 Điều 27, điểm a khoản 3 Điều 29, điểm đ khoản 2 Điều 30 Nghị định 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.

2. Trong trường hợp cần thuê chuyên gia theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư số 03/2023/TT-BTC, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ căn cứ yêu cầu công việc cần thuê chuyên gia, thuyết minh rõ sự cần thiết và kết quả dự kiến của việc thuê chuyên gia, lập dự toán chi tiết trong thuyết minh nhiệm vụ để hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ xem xét, đánh giá, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ xem xét, quyết định.

Điều 8. Thuê chuyên gia, tổ chức tư vấn độc lập

1. Trong quá trình quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ, cơ quan quản lý nhiệm vụ được thuê chuyên gia tư vấn độc lập để:

- a) Xây dựng đề xuất đặt hàng nhiệm vụ;
- b) Xác định nhiệm vụ đặt hàng;
- c) Cho ý kiến trước khi quyết định lựa chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ;
- d) Xem xét, đánh giá thực tế cơ sở vật chất - kỹ thuật, nhân lực và năng lực tài chính của tổ chức, cá nhân được kiến nghị chủ trì hoặc phối hợp thực hiện nhiệm vụ;
- đ) Kiểm tra, đánh giá tổ chức, cá nhân chủ trì trong quá trình thực hiện nhiệm vụ;
- e) Tư vấn, đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ;
- g) Xây dựng báo cáo đề xuất với cơ quan quản lý chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia về các nội dung đề tổ chức, triển khai có hiệu quả các mục tiêu của chương trình.

2. Trong quá trình tổ chức kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ, cơ quan quản lý nhiệm vụ được thuê tổ chức tư vấn độc lập quy định tại khoản 6 Điều 2 Thông tư này.

3. Định mức thuê chuyên gia, tổ chức tư vấn độc lập thực hiện theo quy định tại Thông tư số 03/2023/TT-BTC và các quy định hiện hành.

CHƯƠNG III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục áp dụng theo các quy định tại thời điểm phê duyệt nhiệm vụ cho đến khi kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

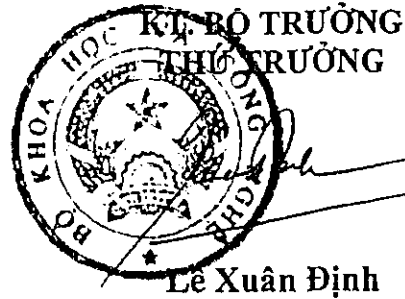
1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23 tháng 6 năm 2023.
2. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.
3. Điều 5, điểm a khoản 1 Điều 7, điểm b khoản 1 Điều 7 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng

ngân sách nhà nước hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ để kịp thời giải quyết./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện KSND tối cao, Tòa án nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UBND, Sở KH&CN, Sở TC các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cơ quan Trung ương các Hội, Đoàn thể;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Công báo Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Lưu: VT, KHTC (..... bản).





PHỤ LỤC

VÍ DỤ VỀ CÁCH XÂY DỰNG DỰ TOÁN CHI TIẾT THÙ LAO THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

Tình huống ví dụ: Một nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia có thời gian thực hiện là 36 tháng với 02 nội dung nghiên cứu. Các chức danh tham gia thực hiện nhiệm vụ bao gồm: 01 chủ nhiệm; 01 thư ký khoa học; thành viên chính; thành viên; kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ; lao động phổ thông. Dự toán thù lao thực hiện nhiệm vụ được tính như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung công việc	Hệ số lao động khoa học	Số người trong nhóm chức danh	Định mức thù lao tháng của chủ nhiệm (DMCN)	Tổng số tháng quy đổi của chức danh/nhóm chức danh	Tổng thù lao thực hiện nhiệm vụ
1	2	3	4	5	6	7=3x5x6
I	Xây dựng thuyết minh nhiệm vụ	Nội dung công việc này chủ nhiệm và thư ký khoa học của nhiệm vụ thực hiện, đã được tính trong thù lao của chủ nhiệm và thư ký khoa học, không tính thù lao riêng.				
II	Nội dung nghiên cứu					718,97
1	Nội dung 1: ... Do một thành viên nghiên cứu chính chủ trì thực hiện					205,45
1.1	Công việc 1: ... Do thành viên chính Nguyễn Văn A thực hiện trong 01 tháng quy đổi và 03 thành viên thực hiện trong tổng thời gian quy đổi là 1,5 tháng (thành viên 1 thực hiện trong 1 tháng; thành viên 2 thực hiện trong 0,3 tháng; thành viên 3 thực hiện trong 0,2 tháng).					56,00
	- Thù lao thành viên chính	0,8	1	40	1	32,00
	- Thù lao nhóm 03 thành viên	0,4	3	40	1,5	24,00
1.2	Công việc 2: ... Do thành viên chính Nguyễn Văn A thực hiện trong 01 tháng quy đổi và 02 thành viên thực hiện trong tổng thời gian quy đổi là 02 tháng (thành viên 1 thực hiện trong 1,5 tháng; thành viên 2 thực hiện trong 0,5 tháng) và 05 kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ. Mỗi kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ thực hiện công việc được giao trong 0,5 tháng quy đổi.					84,00
	- Thù lao thành viên chính	0,8	1	40	1	32,00
	- Thù lao nhóm 02 thành viên	0,4	2	40	2	32,00
	- Thù lao nhóm 05 kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	0,2	5	40	2,5	20,00

Số TT	Nội dung công việc	Hệ số lao động khoa học	Số người trong nhóm chức danh	Định mức thù lao tháng của chủ nhiệm (DMCN)	Tổng số tháng quy đổi của chức danh/nhóm chức danh	Tổng thù lao thực hiện nhiệm vụ
1	2	3	4	5	6	7=3x5x6
1.3	<p>Công việc 3: ... Do thành viên chính Nguyễn Văn A thực hiện trong 12 ngày quy đổi và 02 thành viên tham gia (trong đó: chủ nhiệm nhiệm vụ tham gia với chức danh thành viên, hưởng thù lao tính theo hệ số lao động khoa học của chức danh thành viên), mỗi thành viên thực hiện trong 01 tháng quy đổi; 04 kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ (trong đó: thư ký khoa học tham gia với chức danh kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ và hưởng thù lao tính theo hệ số lao động khoa học của chức danh kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ), mỗi kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ thực hiện công việc được giao trong 0,5 tháng quy đổi.</p>					65,45
	- Thù lao thành viên chính	0,8	1	40	0,545 (= 12/22)	17,455
	- Thù lao nhóm 02 thành viên	0,4	2	40	2	32,00
	- Thù lao nhóm 04 kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	0,2	4	40	2	16,00
1.4	Công việc 4...					
2	<p>Nội dung 2: ... Chủ nhiệm nhiệm vụ chủ trì thực hiện nội dung với chức danh thành viên chính (hưởng thù lao theo hệ số lao động khoa học của chức danh thành viên chính)</p>					141,52
2.1	<p>Công việc 1: ... Chủ nhiệm nhiệm vụ thực hiện công việc trong 0,5 tháng quy đổi và 03 thành viên tham gia (trong đó có thư ký khoa học tham gia với chức danh thành viên và hưởng thù lao tính theo hệ số lao động khoa học của chức danh thành viên), mỗi thành viên thực hiện trong 01 tháng quy đổi; 04 kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ và mỗi kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ thực hiện công việc được phân công trong 0,5 tháng quy đổi</p>					80,00
	- Thù lao thành viên chính	0,8	1	40	0,5	16,00
	- Thù lao nhóm 03 thành viên	0,4	3	40	3	48,00
	- Thù lao nhóm 04 kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	0,2	4	40	2,0	16,00
2.2	<p>Công việc 2: ... Chủ nhiệm nhiệm vụ thực hiện công việc trong 01 tháng quy đổi và 01 thành viên tham gia trong 8 ngày quy đổi; 03 kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ và mỗi kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ thực hiện công việc được phân công trong 0,5 tháng quy đổi; 5 lao động phổ thông, mỗi lao động phổ thông thực hiện công việc được phân công trong 0,5 tháng quy đổi</p>					61,52
	- Thù lao thành viên chính	0,8	1	40	1	32,00

Số TT	Nội dung công việc	Hệ số lao động khoa học	Số người trong nhóm chức danh	Định mức thù lao tháng của chủ nhiệm (DMCN)	Tổng số tháng quy đổi của chức danh/nhóm chức danh	Tổng thù lao thực hiện nhiệm vụ
1	2	3	4	5	6	7=3x5x6
	- Thù lao 01 thành viên	0,4	1	40	0,36 (= 8/22)	5,82
	- Thù lao nhóm kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	0,2	3	40	1,5	12,00
	- Thù lao lao động phổ thông (tính bằng mức lương tối thiểu vùng cao nhất 4,68 triệu đồng x số tháng thực hiện quy đổi)		5		2,5	11,70
3	Thù lao của chủ nhiệm nhiệm vụ: ($TL_{CN} = 1,0 \times DM_{CN} \times 20\% \times T$)	1	1	40	7,2 (=20% x 36)	288,00
4	Thù lao của thư ký khoa học: ($TL_{TK} = 0,3 \times DM_{CN} \times 20\% \times T$)	0,3	1	40	7,2 (=20% x 36)	84,00
III	Xây dựng báo cáo tổng kết	Nội dung công việc này do chủ nhiệm và thư ký khoa học của nhiệm vụ thực hiện, đã được tính trong thù lao của chủ nhiệm và thư ký khoa học, không tính thù lao riêng.				
TỔNG CỘNG						718,97

SO SÁNH ĐỊNH MỨC KINH PHÍ CHI TRẢ HOẠT ĐỘNG KHCN CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG ĐÃ BAN HÀNH VĂN BẢN QPPL

Trên cơ sở phân tích, so sánh văn bản của 12 địa phương đã ban hành VB QPPL (08 Nghị quyết của HĐND tỉnh: Thái Bình, Bình Định, Tiền Giang, Lào Cai, Quảng Nam, Bình Dương; Phú Yên, Quảng Ngãi ; 04 Quyết định của UBND tỉnh: Kon Tum, Yên Bái, Thái Nguyên; Cần Thơ) 1 số nhận xét như sau:

1. Hầu hết các địa phương đều đảm bảo các mục chi giống TT03 quy định

2. Tỉnh có mức chi trả cao nhất là Bình Dương (cấp tỉnh = 100% TT03; cấp cơ sở = 80% TT03) và Cần Thơ (cấp tỉnh = 100% TT03; cấp cơ sở = 90% TT03).

Tỉnh có mức chi trả thấp nhất là Kon Tum (cấp tỉnh = 50% TT03; cấp cơ sở = 60% cấp tỉnh) họ có tách riêng Hội đồng đề tài và HĐ dự án

Các tỉnh còn lại đều có mức chi trả cho cấp tỉnh $\leq 80\%$ TT03 (trong đó Khánh Hòa, Tiền Giang và Lào Cai có mức chi giống nhau: cấp tỉnh 80%TT03; cấp cơ sở = 50% cấp tỉnh); mức chi trả cho cấp cơ sở từ 50-75% mức cấp tỉnh.

3. Một số điểm khác biệt của mỗi địa phương:

- Thái Bình:

+ Quy định mức chi cho hoạt động thẩm định công nghệ dự án đầu tư (mức chi Hội đồng bằng mức HĐ đánh giá nghiệm thu; chi cho tổ chức, chuyên gia tư vấn độc lập)

+ Quy định chi trả cho Tổ thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm máy móc, thiết bị, NVL của nhiệm vụ (bằng mức chi trả cho Tổ thẩm định KP nhiệm vụ)

- Tiền Giang:

+ Quy định chi trả cho Tổ thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm máy móc, thiết bị, NVL của nhiệm vụ

+ Quy định chi tiết các khoản chi khác liên quan đến hoạt động quản lý KHCN như: văn phòng phẩm, nước uống, phục vụ, chi làm thêm giờ...

**UBND TỈNH KHÁNH HÒA
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Số: 2104 /SKHCN-QLKH
V/v thẩm định hồ sơ dự thảo Nghị
quyết thay thế Nghị quyết số
10/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018
của Hội đồng nhân dân tỉnh

Khánh Hòa, ngày 16 tháng 11 năm 2023

Kính gửi: Sở Tư pháp.

Căn cứ ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa tại văn bản số 543/HĐND-VP ngày 18/10/2023 về việc cho ý kiến đề nghị xây dựng Nghị quyết;

Thực hiện chỉ đạo tại văn bản số 10977/UBND-KGVX của UBND tỉnh ngày 23/10/2023 về việc xây dựng Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh, theo đó giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng hồ sơ Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh, quy định một số nội dung, định mức xây dựng dự toán, mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa theo đúng trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đảm bảo chất lượng và tiến độ để kịp thời trình tại Kỳ họp thứ 12, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VII.

Đến nay Sở Khoa học và Công nghệ đã hoàn thành dự thảo Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh, đồng thời đã thực hiện đăng tải trên Cổng thông tin điện tử, tổ chức lấy ý kiến các cơ quan có liên quan theo quy định và thực hiện Báo cáo tổng hợp, giải trình, tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết.

Do tính cấp bách trong thực hiện nhiệm vụ trình Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp thứ 12, Sở Khoa học và Công nghệ kính đề nghị Sở Tư pháp hỗ trợ, sớm xem xét thẩm định đối với dự thảo Nghị quyết nêu trên.

Trân trọng./.

(Đính kèm: Dự thảo Trình UBND tỉnh về dự thảo Nghị quyết và Dự thảo Nghị quyết; Báo cáo tổng hợp, giải trình, tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết; bản chụp ý kiến góp ý; Văn bản số 10977/UBND-KGVX ngày 23/10/2023 của UBND tỉnh; Văn bản số 543/HĐND-VP ngày 18/10/2023 của HĐND tỉnh và một số văn bản khác có liên quan).

Nơi nhận:

- Như trên (VBĐT);
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Lưu: VT, QLKH, VP.



Le Vinh Liên Trang

Số: 10 /2018/NQ-HĐND

Khánh Hòa, ngày 06 tháng 12 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Về việc ban hành quy định mức hỗ trợ nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở; nội dung và định mức kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Khánh Hòa

Ky bởi: Sở Khoa học và Công nghệ
Thời gian ký:
20.12.2018
11:17:11 +07:00

VB ĐEN

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HOÀ
KHOÁ VI, KỲ HỌP THỨ 7**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKH-CN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 11697/TTr-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 84/BC-HĐND ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định mức hỗ trợ nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở; nội dung và định mức kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Khánh Hòa.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 19/2011/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa về quy định mức chi và chế độ hỗ trợ kinh phí cho đề tài khoa học và công nghệ cơ sở từ ngân sách nhà nước tỉnh Khánh Hòa.

2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa Khóa VI, Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2019./.

Nơi nhận: uul

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Khoa học - Công nghệ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục KT VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- VP. Tỉnh ủy, các ban Đảng;
- VP. HĐND, VP. UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- Phòng KT VBQPPL - Sở Tư pháp;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Công báo tỉnh (02 bản);
- Lưu: VT, KN.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Tấn Tuấn

QUY ĐỊNH

**Mức hỗ trợ nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở;
Nội dung và định mức kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ
cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Khánh Hòa**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 10 /2018/NQ-HĐND
ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định mức kinh phí hỗ trợ nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) cấp cơ sở; nội dung và định mức kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân có hoạt động triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước của tỉnh Khánh Hòa.

Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Mức hỗ trợ tối đa và đối ứng đối với hoạt động KH&CN cấp cơ sở

1. Mức kinh phí hỗ trợ cho nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở: Tối đa 200.000.000 đồng/ nhiệm vụ.

2. Mức kinh phí đối ứng của các đơn vị chủ trì thực hiện (trừ các đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở thuộc hai huyện miền núi Khánh Sơn và Khánh Vĩnh): Tối thiểu 20% tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở.

3. Mức hỗ trợ cho các Sở, ngành, đơn vị, địa phương hoạt động triển khai nhiệm vụ KH&CN tại cơ sở: Tối đa 10 triệu đồng/ năm/đơn vị, từ nguồn kinh phí sự nghiệp KH&CN cấp tỉnh.

Điều 4. Các yếu tố đầu vào cấu thành dự toán nhiệm vụ KH&CN

Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKH&CN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng

ngân sách nhà nước.

Điều 5. Định mức dự toán nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước

1. Dự toán tiền công lao động trực tiếp:

Cấu trúc thuyết minh phân tính tiền công lao động triển khai nhiệm vụ KH&CN, tiền công trực tiếp cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ KH&CN và tiền công trực tiếp đối với chức danh kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 7 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN.

Trong đó, Hệ số tiền công ngày tính theo lương cơ sở của từng chức danh được quy định tại Bảng 1.

Bảng 1

ST T	Chức danh	Hệ số tiền công ngày (H_{stcn}) đối với nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh	Hệ số tiền công ngày (H_{stcn}) đối với nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở
1	Chủ nhiệm nhiệm vụ	0,63	0,32
2	Thành viên thực hiện chính; thư ký khoa học	0,39	0,20
3	Thành viên	0,20	0,12
4	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	0,13	0,10

2. Định mức thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước phối hợp nghiên cứu để triển khai nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh.

a) Thuê chuyên gia trong nước, thực hiện theo Điểm a Khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN. Trong đó, định mức thuê chuyên gia trong nước theo ngày công thì mức dự toán thuê chuyên gia trong nước không quá 30.000.000 đồng/người/tháng (22 ngày/1 tháng).

b) Thuê chuyên gia ngoài nước thực hiện theo Điểm b Khoản 2 Điều 7 và chi mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu; chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định thực hiện theo Khoản 3, 4 Điều 7 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN.

3. Dự toán chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê quốc gia.

4. Dự toán chi hội thảo khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu

Nội dung và định mức chi hội thảo phục vụ hoạt động nghiên cứu được xây dựng và thực hiện theo các quy định tại Nghị quyết số 10/2010/NQ-HĐND

ngày 10 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa về chế độ chi tiêu tiếp khách nước ngoài, chi tiêu tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế do tỉnh Khánh Hòa tổ chức và chi tiêu khách trong nước; Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND ngày 06/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Ngoài ra, mức chi thù lao tham gia hội thảo khoa học được quy định tại Bảng 2.

Bảng 2

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh	Mức chi nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở
1	Chủ trì	buổi	900	450
2	Thư ký	buổi	400	200
3	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo	Lần	500	250
4	Báo cáo khoa học được đặt hàng	báo cáo	500	250
5	Thành viên tham gia hội thảo	buổi	150	80

5. Dự toán chi họp hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh (nếu có) được xây dựng trên cơ sở số lượng thành viên hội đồng với mức chi quy định tại bảng 3.

Bảng 3

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi nhiệm vụ
1	Chi họp hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	Nhiệm vụ	
	Chủ tịch hội đồng		600
	Phó Chủ tịch hội đồng, thành viên hội đồng		300
	Thư ký hành chính		120
	Đại biểu được mời tham dự		100
2	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên, hội đồng (Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên hội đồng trừ thành viên phản biện)		250
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong hội đồng		350

6. Dự toán chi quản lý chung nhiệm vụ KH&CN

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước được dự toán các nội dung chi quản lý chung phục vụ nhiệm vụ KH&CN, bao gồm: Chi điện, nước; các khoản chi hành chính phát sinh liên quan đảm bảo triển khai nhiệm vụ KH&CN tại tổ chức chủ trì; chi tiền lương, tiền công phân bổ đối với các hoạt động gián tiếp trong quá trình quản lý nhiệm vụ KH&CN của tổ chức chủ trì. Mức chi dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ KH&CN bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 160 triệu đồng đối với nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, 10 triệu đồng đối với nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở.

7. Các khoản chi khác được vận dụng theo các quy định quản lý hiện hành của pháp luật.

Điều 6. Các nội dung chi quản lý nhiệm vụ KH&CN

Quy định tại Điều 8 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN.

Điều 7. Định mức chi quản lý nhiệm vụ KH&CN

1. Định mức chi hoạt động của các hội đồng

a) Chi tiền công, thực hiện theo mức chi quy định tại Bảng 4.

Bảng 4
Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh	Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở
1	Chi tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN	Hội đồng		
	a			
	Chi họp hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN			
	Chủ tịch hội đồng		600	300
	Phó Chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng (gồm thư ký khoa học)		500	250
	Thư ký hành chính		200	150
	Đại biểu được mời tham dự	150	80	
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng (Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên hội đồng, thư ký khoa học)		250	150
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện		400	200
2	Chi tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ			

	KH&CN cấp tỉnh. Chi xét duyệt đề cương nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở			
a	Chi họp hội đồng	Hội đồng		
	Chủ tịch hội đồng		900	450
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng (bao gồm thư ký khoa học)		600	300
	Thư ký hành chính		200	150
	Đại biểu được mời tham dự		150	80
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng (Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên hội đồng, thư ký khoa học)		400	200
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện		550	300
3	Chi thẩm định nội dung, tài chính của nhiệm vụ KH&CN	Nhiệm vụ		
	Tổ trưởng		550	300
	Thành viên		400	200
	Thư ký hành chính		250	150
	Đại biểu được mời tham dự		150	80
4	Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ KH&CN			
a	Chi họp hội đồng nghiệm thu	Hội đồng		
	Chủ tịch hội đồng		900	450
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng (bao gồm thư ký khoa học)		600	300
	Thư ký hành chính		200	150
	Đại biểu được mời tham dự		150	80
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng (Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên hội đồng, thư ký khoa học)		500	250
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện		700	350
5	Chi họp Tổ chuyên gia đánh giá nghiệm thu cấp tỉnh			
a	Chi họp	Nhiệm vụ		
	Tổ trưởng		400	
	Thành viên		300	
b	Chi nhận xét	01 phiếu		
	Nhận xét của Tổ trưởng; Thành viên		300	

b) Ngoài mức chi tiền công tham gia các hội đồng tại Điểm a Khoản 1 Điều này, các chuyên gia được mời tham gia công tác tư vấn, thẩm định tài

chính còn được thanh toán tiền phương tiện đi lại bao gồm: Thuê phương tiện chiều đi và về từ nhà đến sân bay, ga tàu, bến xe; vé máy bay, vé tàu, xe vận tải công cộng từ nơi ở để di chuyển đến nơi tổ chức hội đồng và theo chiều ngược lại; phương tiện đi lại tại nơi đến họp: Từ chỗ nghỉ đến chỗ họp, từ sân bay, ga tàu, bến xe về nơi nghỉ (lượt đi và lượt về); thuê phòng nghỉ và phụ cấp lưu trú theo quy định tại Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND.

c) Các nội dung chi khác được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và theo các quy định hiện hành của pháp luật.

2. Định mức chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 9 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN.

3. Định mức chi thông báo tuyển chọn trên các phương tiện truyền thông thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 9 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN.

4. Chi công tác kiểm tra, đánh giá giữa kỳ.

a) Dự toán chi công tác phí cho đoàn kiểm tra đánh giá giữa kỳ được xây dựng theo quy định về chế độ công tác quy định tại Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND.

b) Dự toán chi tiền công cho Hội đồng đánh giá giữa kỳ (trong trường hợp cần thiết có Hội đồng đánh giá giữa kỳ); tổ chuyên gia (nếu có) được áp dụng bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Các định mức tại Quy định này là căn cứ để thống nhất định hướng chi, xây dựng và phân bổ dự toán chi ngân sách đối với các nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản mới ban hành.

3. Đối với các nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước thời điểm Quy định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo các quy định tại thời điểm phê duyệt./.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Tấn Tuấn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc



TỈNH KH
HÒA
Email:
ubnd@kha
ov.vn
Cơ quan: Ủ
BAN NHÂN
DÂN TỈNH
KHÁNH H
Ngày ký: 2
2023 08:35
-07:00

Số: *10577* /UBND-KGVX
V/v xây dựng Nghị quyết thay thế
Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND
ngày 06/12/2018 của HĐND tỉnh

Khánh Hòa, ngày *23* tháng *10* năm *2023*

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ.

Ủy ban nhân dân tỉnh nhận được Công văn số 543/HĐND-VP ngày 18/10/2023 của Thường trực HĐND tỉnh về việc cho ý kiến đề nghị xây dựng nghị quyết. Về việc này, Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng hồ sơ Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của HĐND tỉnh; quy định một số nội dung, định mức xây dựng dự toán, mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa theo đúng trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đảm bảo chất lượng và tiến độ để kịp thời trình tại Kỳ họp thứ 12 Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VII./.

(Đính kèm Công văn số 543/HĐND-VP ngày 18/10/2023 của Thường trực HĐND tỉnh và Công văn số 532/HĐND-VHXXH ngày 16/10/2023 của Ban Văn hóa Xã hội)

Nơi nhận:

- Như trên.
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, NcT, NN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Hữu Hoàng

Số: 54³/HĐND-VP

Khánh Hòa, ngày 18 tháng 10 năm 2023

V/v cho ý kiến
đề nghị xây dựng nghị quyết

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh nhận được Tờ trình số 9826/TTr-UBND ngày 27/9/2023 của UBND tỉnh về việc đề nghị xây dựng Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của HĐND tỉnh; quy định một số nội dung, định mức xây dựng dự toán, mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Trên cơ sở ý kiến của Ban Văn hóa – Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh tại Công văn số 532/HĐND-VHXH ngày 16/10/2023, Thường trực HĐND tỉnh có ý kiến như sau:

1. Thống nhất đề nghị xây dựng Nghị quyết như đề xuất của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 9826/TTr-UBND ngày 27/9/2023, trong đó, nghiên cứu làm rõ các nội dung nêu tại Công văn số 532/HĐND-VHXH ngày 16/10/2023 của Ban Văn hóa – Xã hội.

2. Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng dự thảo nghị quyết đảm bảo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định tại Kỳ họp thứ 12.

Trân trọng./.

(Đính kèm Công văn số 532/HĐND-VHXH ngày 16/10/2023 của Ban Văn hóa – Xã hội)

Nơi nhận:

- Như trên;
- PCT HĐND tỉnh;
- LĐ Ban VHXH;
- LĐ Văn phòng;
- Lưu: VT, NBG, NHN.

TM. THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Thị Xuân Trang

HĐND TỈNH KHÁNH HÒA
BAN VĂN HÓA – XÃ HỘI

Số: 532/HĐND-VHXX
V/v tham gia ý kiến đối với
Tờ trình số 9826/TTr-UBND ngày
27/9/2023 của UBND tỉnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Khánh Hòa, ngày 15 tháng 10 năm 2023

Kính gửi: Thường trực HĐND tỉnh.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thường trực HĐND tỉnh tại Công văn số 518/HĐND-VP, ngày 09/10/2023 và qua nghiên cứu Tờ trình số 9826/TTr-UBND ngày 27/9/2023 của UBND tỉnh về việc đề nghị xây dựng Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của HĐND tỉnh; quy định một số nội dung, định mức xây dựng dự toán, mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, Ban Văn hóa – Xã hội có ý kiến tham mưu như sau:

1. Về căn cứ pháp lý và thẩm quyền ban hành nghị quyết:

Ngày 06/12/2018, HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND quy định mức hỗ trợ nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở; nội dung và mức kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Khánh Hòa. Đến nay, các điều, khoản dùng làm căn cứ để ban hành Nghị quyết đã hết hiệu lực.

Đồng thời, ngày 10/01/2023, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 03/2023/TT-BTC quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có hiệu lực từ ngày 26/02/2023, trong đó, tại khoản 1 Điều 2 quy định thẩm quyền của HĐND tỉnh xem xét, quy định một số vấn đề liên quan.

Theo thành phần hồ sơ gửi kèm Tờ trình số 9826/TTr-UBND ngày 27/9/2023, Ban Văn hóa – Xã hội nhận thấy UBND tỉnh thực hiện xây dựng dự thảo nghị quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (hiện hành) sửa đổi, bổ sung năm 2020. Ban Văn hóa – Xã hội thống nhất với đề xuất sự cần thiết, cơ sở pháp lý và thẩm quyền HĐND tỉnh xem xét, ban hành nghị quyết.

2. Về hồ sơ trình đề nghị xây dựng nghị quyết

Hồ sơ UBND tỉnh trình Thường trực HĐND tỉnh chấp thuận đề nghị xây dựng nghị quyết đã đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều 117 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

3. Về nội dung đề xuất xây dựng nghị quyết

Theo nội dung quy định “Trong trường hợp cần thiết, căn cứ khả năng cân đối ngân sách và điều kiện cụ thể của từng địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định bổ sung một số nội dung và mức chi ngoài các nội dung, định mức chi quy định tại Thông tư này để thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của địa phương đảm bảo hiệu quả, phù hợp với thực tế và theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.” tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 03/2023/TT-BTC, Ban Văn hóa – Xã hội nhận thấy cần thiết bổ sung làm rõ 02 nội dung liên quan như sau:

- Bổ sung thông tin đánh giá kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của HĐND tỉnh.
- Bổ sung giải trình lý do không áp dụng thêm một số cơ chế đặc thù của địa phương nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn đến.

4. Kiến nghị, đề xuất

Ban Văn hóa – Xã hội kiến nghị Thường trực HĐND tỉnh chấp thuận cho nghiên cứu, xây dựng nghị quyết của HĐND tỉnh theo đề nghị của UBND tỉnh nêu tại nội dung Tờ trình số 9826/TTr-UBND ngày 27/9/2023.

Trên đây là ý kiến tham mưu của Ban Văn hóa – Xã hội kính trình Thường trực HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên Ban VH-XH;
- LD VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, NBG, NhN

TM. BAN VĂN HÓA – XÃ HỘI
TRƯỞNG BAN



Trần Việt Trung

Số: /TT-UBND

Khánh Hòa, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO 3

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết ban hành quy định một số nội dung, định mức xây dựng dự toán, mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Thực hiện Văn bản số 543/HĐND-VP ngày 18/10/2023 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định một số nội dung, định mức xây dựng dự toán, mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Căn cứ quy định tại khoản 1, Điều 3 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước, ngày 06/12/2018, Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND Quy định mức hỗ trợ nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở; nội dung và định mức kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Khánh Hòa.

Tuy nhiên, trong năm 2023, một số văn bản quy phạm pháp luật được ban hành dẫn đến hầu hết các nội dung quy định tại Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND không còn phù hợp với quy định hiện hành, cụ thể như sau:

a) Ngày 10/01/2023, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 03/2023/TT-BTC Quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ KH&CN có hiệu lực thi hành từ ngày 26/02/2023 (sau đây gọi tắt là Thông tư số 03/2023/TT-BTC).

- Tại khoản 1 Điều 2 quy định:

“Các định mức lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước quy định tại

Thông tư này là định mức tối đa áp dụng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước. Căn cứ quy định tại Thông tư này, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (sau đây gọi là các bộ, cơ quan trung ương) và các địa phương căn cứ tình hình thực tế và khả năng ngân sách được giao để phê duyệt định mức lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý để thực hiện thống nhất trong phạm vi bộ, cơ quan trung ương và địa phương, đảm bảo phù hợp với đặc thù hoạt động khoa học và công nghệ của bộ, cơ quan trung ương, địa phương và khả năng cân đối ngân sách được giao, nhưng tối đa không vượt quá định mức quy định tại Thông tư này.

Trong trường hợp cần thiết, căn cứ khả năng cân đối ngân sách và điều kiện cụ thể của từng địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định bổ sung một số nội dung và mức chi ngoài các nội dung, định mức chi quy định tại Thông tư này để thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của địa phương đảm bảo hiệu quả, phù hợp với thực tế và theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn”.

- Tại điểm a khoản 3 Điều 12 quy định: “Các nội dung sau đây hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành: Điều 1; Điều 2; Điều 3; Điều 4; Điều 6; điểm b khoản 1 Điều 7 (đối với nội dung quy định về tiền công trực tiếp cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tính theo ngày công lao động quy đổi); khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7, khoản 8 và khoản 9 Điều 7; Điều 8; Điều 9; Điều 10; Điều 11; Điều 12; Điều 13; Điều 14; Điều 15; Điều 16 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN”.

b) Ngày 08/5/2023, Bộ KH&CN ban hành Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN Hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước có hiệu lực thi hành từ ngày 23/6/2023

Tại khoản 3 Điều 10 quy định: “Điều 5, điểm a khoản 1 Điều 7, điểm b khoản 1 Điều 7 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành”

Theo các quy định nêu trên thì hầu hết các nội dung tại Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN làm căn cứ xây dựng Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND hết hiệu lực, dẫn đến Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND không còn phù hợp với quy định hiện hành.

Căn cứ điểm g, điểm h, khoản 9 Điều 10 Luật Ngân sách Nhà nước quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân các cấp:

“g) Quyết định cụ thể đối với một số chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi

ngân sách theo quy định khung của Chính phủ;

h) Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương.”

Các nội dung chi và định mức chi cho nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định của Thông tư 03/2023/TT-BTC phù hợp với việc triển khai thực hiện và công tác quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước, vì vậy, Ủy ban nhân dân tỉnh không đề nghị áp dụng thêm một số cơ chế chính sách đặc thù của địa phương. Tuy nhiên để đảm bảo khả năng cân đối ngân sách và điều kiện thực tế của địa phương đồng thời để cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ và các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước có cơ sở triển khai thực hiện đúng quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình thực tế, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VII xem xét ban hành Nghị quyết quy định một số nội dung, định mức xây dựng dự toán, mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa để quy định chi tiết điều, khoản điểm được giao tại Thông tư số 03/2023/TT-BTC (theo quy định tại khoản 1, Điều 27, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015).

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Đảm bảo tính pháp lý để triển khai một số nội dung và định mức lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

2. Quan điểm xây dựng văn bản

- Việc xây dựng Nghị quyết bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, đúng thẩm quyền và quy định của pháp luật.

- Trình tự, thủ tục xây dựng Nghị quyết phải đảm bảo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020.

- Tuân thủ Luật Ngân sách nhà nước, Luật Khoa học và Công nghệ, Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ Tài chính Ban hành Quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ Hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự

toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và các văn bản khác có liên quan.

- Phù hợp với đặc điểm, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh.
- Đảm bảo tính khả thi, hiệu quả, tiết kiệm và đúng quy định pháp luật.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Trình đề nghị xây dựng Nghị quyết: Tháng 09/2023.
2. Xây dựng dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết: Tháng 10/2023.
3. Tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan, đối tượng tác động của dự thảo văn bản, đăng tải dự thảo nghị quyết trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh để các tổ chức, cá nhân góp ý dự thảo nghị quyết: Từ tháng 10/2023 đến tháng 11/2023.
4. Tổng hợp ý kiến đóng góp dự thảo nghị quyết, tiếp thu, chỉnh lý hoàn chỉnh dự thảo nghị quyết và các hồ sơ, tài liệu có liên quan; gửi Sở Tư pháp thẩm định dự thảo nghị quyết: Tháng 11/2023.
5. Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định.
6. Xin ý kiến thành viên UBND tỉnh tại cuộc họp ngày 22/11/2023.
7. Xem xét, chỉnh lý, hoàn chỉnh dự thảo nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết gồm có 3 Chương, 08 Điều, như sau:

- Chương I. Quy định chung
 - + Điều 1. Phạm vi điều chỉnh
 - + Điều 2. Đối tượng áp dụng
 - + Điều 3. Nguyên tắc áp dụng
- Chương II. Những quy định cụ thể
 - + Điều 4. Các yếu tố đầu vào cấu thành dự toán ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ
 - + Điều 5. Định mức làm căn cứ xây dựng dự toán nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước
 - + Điều 6. Một số định mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ
- Chương III. Tổ chức thực hiện
 - + Điều 7. Nguồn kinh phí thực hiện

+ Điều 8. Điều khoản chuyển tiếp

2. Nội dung cơ bản

Quy định một số nội dung, định mức xây dựng dự toán, mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa phù hợp với quy định tại Thông tư số 03/2023/TT-BTC.

V. GIẢI TRÌNH VỀ NỘI DUNG VÀ ĐỊNH MỨC XÂY DỰNG DỰ TOÁN KINH PHÍ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

- Các định mức tại khoản 2, khoản 3, khoản 5, khoản 6, khoản 7, khoản 8 Điều 5; điểm b khoản 1, khoản 3, điểm b khoản 4 Điều 6 dự thảo Nghị quyết được quy định theo Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10/01/2023 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Lý do đề xuất: Để cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ và các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước có cơ sở triển khai thực hiện đúng quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình thực tế.

- Tại khoản 4 Điều 5; điểm c khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 4 Điều 6 dự thảo Nghị quyết được quy định tại Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc Quy định chế độ tiếp khách nước ngoài, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại tỉnh Khánh Hòa và chế độ chi tiếp khách trong nước của các địa phương, cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh Khánh Hòa; Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa; Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức Nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí.

- Tại điểm a khoản 1, khoản 4 Điều 5; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 6 dự thảo Nghị quyết quy định:

+ Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh: Bằng 80% mức chi theo quy định tại Thông tư số 03/2023/TT-BTC.

+ Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở: Bằng 50% mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

Lý do đề xuất: Để phù hợp với khả năng cân đối ngân sách và điều kiện thực tế của địa phương.

- Tại điểm b, khoản 1, Điều 6 dự thảo Nghị quyết được xây dựng dựa trên quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 Thông tư số 03/2023/TT-BTC, bổ sung cụ thể tên gọi của các Hội đồng tư vấn khác được quy định tại các văn bản của

Chính phủ, Bộ KH&CN và của UBND tỉnh nhưng hiện nay chưa có định mức chi:

- + Hội đồng đánh giá và công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học của tỉnh Khánh Hòa (theo quy định tại Điều 21, Quyết định 3605/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 về việc ban hành Quy định hướng dẫn thực hiện Điều lệ Sáng kiến; đánh giá và công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học của tỉnh Khánh Hòa);
- + Hội đồng thẩm định, thẩm tra cấp quyền sử dụng nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý do UBND tỉnh làm chủ sở hữu (theo quy định tại Điều 11, 12 Quyết định 669/QĐ-UBND ngày 21/3/2016 về việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận “Yến sào Nha Trang”);
- + Hội đồng tư vấn khoa học công nghệ thẩm định công nghệ dự án đầu tư và Hội đồng Hội đồng tư vấn khoa học công nghệ thẩm định chính sách phát triển kinh tế xã hội của địa phương (theo quy định tại Thông tư số 03/2016/TT-BKHCN ngày 30/3/2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về hồ sơ, nội dung và quy trình, thủ tục thẩm định cơ sở khoa học của chương trình phát triển kinh tế - xã hội, thẩm định công nghệ của dự án đầu tư);
- + Hội đồng tư vấn đánh giá doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và Hội đồng tư vấn tuyển chọn dự án ươm tạo doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (theo quy định tại Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2016 ban hành Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”);
- + Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ thẩm định, đánh giá kết quả khoa học và công nghệ chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ (theo Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 về doanh nghiệp khoa học và công nghệ);
- + Các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ bao gồm: Đánh giá tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ; đánh giá xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ; đánh giá dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ; đánh giá thẩm định giao công nghệ khuyến khích chuyển giao; đánh giá kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu; đánh giá công nghệ được tổ chức, cá nhân trong nước tạo ra từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để sản xuất sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực; đánh giá kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu (theo quy định tại Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chuyển giao công nghệ);

+ Hội đồng sơ tuyển giải thưởng chất lượng Quốc gia (theo quy định tại Điều 27b Nghị định số 132/2008/NĐ-CP, được sửa đổi theo khoản 12 Điều 1 Nghị định 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018);

+ Hội đồng xem xét Dự án xây dựng Quy chuẩn kỹ thuật địa phương (theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 26/2019/TT-BKHHCN ngày 25/12/2019 quy định chi tiết xây dựng, thẩm định và ban hành quy chuẩn kỹ thuật).

- Tại khoản 6 Điều 6 của dự thảo Nghị quyết được quy định tại khoản 7 Điều 5 của Thông tư số 03/2023/TT-BTC, các quy định tại các văn bản có liên quan và thực tế công tác quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong thời gian qua; dự thảo Nghị quyết đề xuất cụ thể các nội dung và mức chi liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ, cụ thể:

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Định mức chi (đồng)	Giải trình
1	Chi cho đại biểu tham dự họp mở hồ sơ nhiệm vụ khoa học và công nghệ đăng ký tham gia tuyển chọn	Người/buổi	160.000	- Nội dung chi theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 5, Quyết định số 05/2019/QĐ-UBND ngày 15/2/2019 của UBND tỉnh quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước - Đề xuất áp dụng mức chi cho đại biểu tham dự các Hội đồng tư vấn KH&CN cấp tỉnh
2	Chi cho thành viên tham gia đoàn kiểm tra nội dung, tiến độ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở	Người/cuộc kiểm tra	160.000	- Nội dung chi theo quy định tại Điều 14, Quyết định số 04/2016/QĐ-UBND ngày 21/3/2016 của UBND tỉnh ban hành quy định quản lý các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước; Điều 22, Quyết định số 07/2018/QĐ-UBND ngày 20/4/2018 ban hành quy định quản lý nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở. - Đề xuất áp dụng mức chi cho đại biểu tham dự các Hội đồng tư vấn KH&CN cấp tỉnh
3	Chi hậu cần phục vụ họp Hội đồng	Người/cuộc	50.000 (tối đa 02 người/cuộc)	- Nội dung chi theo quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 5, TT 03/2023/TT-BTC - Mức chi áp dụng theo quy định tại điểm a, khoản 9, Điều 3 Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

4	Chi tiền nước uống cho các thành viên tham dự các cuộc họp Hội đồng khoa học và công nghệ	Người/buổi	15.000	Mức chi theo quy định tại khoản 3, Điều 3 Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa
5	Chi trang trí cuộc họp	Buổi	Theo hóa đơn thực tế	

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết quy định một số nội dung, định mức xây dựng dự toán, mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Đính kèm:

1. Dự thảo Nghị quyết quy định một số nội dung, định mức xây dựng dự toán, mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;
2. Báo cáo thẩm định số 264/BC-STP ngày 20/11/2023 của Sở Tư pháp;
3. Báo cáo số 222/BC-SKHCHN ngày 21/11/2023 của Sở KH&CN về việc giải trình tiếp thu ý kiến thẩm định;
4. Báo cáo số 215/BC-SKHCHN ngày 16/11/2023 của Sở KH&CN tổng hợp giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân;
5. Báo cáo số 198/BC-SKHCHN ngày 03/11/2023 về kết quả thực hiện Nghị quyết số 10/2018/NQ-HĐND;
6. Bản tổng hợp ý kiến thành viên UBND tỉnh.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Văn hóa – Xã hội HĐND tỉnh;
- Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Tư pháp;
- VP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NcT, NN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH